

LÃNG NHÃN

**THƠ PHÁP NGỮ**  
**TUYỂN DỊCH**

1968

TỦ-SÁCH NAM CHI  
CƠ-SỞ XUẤT-BẢN PHẠM-QUANG-KHAI  
3, đường Nguyễn-Siêu  
SAIGON







LÃNG NHÃN

**THƠ PHÁP-NGŨ**

tuyên-dịch

1968

TỦ-SÁCH NAM CHI  
**CƠ-SỞ XUẤT-BẢN PHẠM-QUANG-KHAI**  
3, đường Nguyễn-Siêu  
SAIGON



## *Lời Phá-l-Doan*



Nước ta vì tình-cờ lịch sử, đã chung đụng  
mây ngàn năm với Trung-Hoa, gần một trăm năm với  
Pháp. Do đó văn hóa hai nước này đã ảnh hưởng vào  
nên văn hóa của ta.

Nay cuộc chung-đụng đã chấm dứt, Việt-Nam tự  
tạo một nền văn hóa mảnh tiên. Nhưng không phải  
vì thê mà nền tảng cũ không còn; những cái gì tốt  
đẹp, gạn lọc được để dùng, chưa hẳn đã là «đô bò».

Thu hẹp câu chuyện vào văn tho Trung-Hoa, chúng  
tôi đã lựa một số bài có giá trị về lời cũng như về ý,  
dịch thành quyển *Hán Văn Tình Túy* (1).

Nay chúng tôi lại lựa một số thơ Pháp ngữ,  
đem dịch ra tiếng Việt.

Từ thời Trung-cổ (Moyen Âge) nước Pháp đã có  
những nhà thơ nổi danh như Charles d'Orléans (1391-  
1465). Đến thế kỷ XVI có cuộc Phục Hưng (Renaiss-  
sance); văn thơ cũng theo đà chung mà phát triển.

---

(1) Nam-chi tùng-thư — Saigon — 1966

Nhóm Thât Tinh (Pléiade) in bản tuyên-ngôn bênh vực Pháp-ngữ, cho là không kém gì cổ văn La-mã, Hy-lạp. Nhóm này, nổi danh nhất là Ronsard (1524-1585). Văn thơ lân lân có quy-cù, phát-triển huy-hoàng trong thế-kỷ XVII gọi là thời kỳ Cổ-điển (classicisme) : lời văn lịch sự, chú trọng về lý-trí hơn tình-cảm ; Malherbe (1555-1628) khởi đầu, nêu ra quy-mô. Sau 1600 xuất hiện những danh-tài như Corneille, Racine, Molière, La Fontaine, Boileau. Thế kỷ XVIII chú trọng về khoa-học, lại có cuộc cách-mệnh đạp đổ quân-chủ. Thi-sĩ André Chénier (1762-1794) bị kêt-án tử-hình, viết bài thơ La Jeune Captive để tỏ niềm luyến tiếc cõi đời.

Thế-kỷ XIX, phái Lãng-mạn (Romantisme) phản đối sự gò-bó thời Cổ-điển, buông thả lời thơ và óc tưởng-tượng, dụng công vào sự phô-bày tâm-cảnh. Nhiều thi-sĩ nổi tiếng xuất hiện : Lamartine (1790-1869) Victor Hugo (1802-1885) Alfred de Musset (1810-1857) Alfred de Vigny (1797-1863) v.v... Nhiều người cho rằng thời kỳ Lãng-mạn này có thể coi như một cuộc phục-hưng thứ hai của văn thơ Pháp.

Sự quá trớn của Lãng-mạn gây một phản ứng. Khoa-học đã cho người ta thấy nguồn gốc của cái đẹp thời xưa. Triết-học phát-triển làm cho người ta chán nghe chuyện than mây khóc gió. Phái Tao-đàn hay Thaison (Parnasse) xuất-hiện, tìm cái hay cái đẹp ở các nền văn-minh quá khứ, diễn-tả cảnh đẹp của trời đất, vạn vật, bằng lời văn đanh thép và thực-tiễn ; cảm tình

không để bộc-lộ xôn-xao. Thi-sĩ nổi tiếng nhất là Leconte de Lisle. Trong thời đó, nhiều thi-sĩ tuy vẫn theo tôn chỉ của phái Thi-son, đã tìm thi hứng trong cảm-xúc hay tình-cảm như Sully-Prudhomme (1839-1907) và François Coppée (1842-1908), và trội hơn cả, Baudelaire (1821-1867) với tâm trạng bệnh-hoạn, u-ǎn, đã gây nên một nguồn xúc-cảm tuy quái-gở, nhưng tuyệt-diệu và mới mẻ.

Phân tích, lý luận, mô tả mãi bằng những câu văn đanh thép điêu luyện, hồn thơ vẫn không có lôi thoát. Vài thi-sĩ nhóm Thi-son đã vượt ra ngoài, tìm nhạc ở trong lời, dựa vào tâm-trạng thực-thực hur-hur để khêu gợi cảm-xúc, dùng cảnh vật để tượng-trưng cho trạng-thái tâm-hồn : ấy là Verlaine (1844-1896) và Mallarmé (1842-1898) trong thi-phái Tượng-trưng (Symbolisme).

Khuôn khổ rộng rãi thêm, nhiều thi-sĩ đã khéo dung hòa gạn lọc Lãng-mẠn, duy-trì cái chính-xác của Thi-son với trong trẻo xán lạn của Cổ-điển như Albert Samain (1858-1900) Henri de Régnier (1864-1940) Jean Moréas (1856-1900).

Thơ là phản ảnh của con người trong hoàn cảnh. Hoàn cảnh có thay đổi, nhưng trong con người, mặc dầu ở thời-kỷ nào, vẫn có một số « giá-trị » trường-tồn. Từ sự gò bó của quy luật, đi tới sự buông thả của vẫn, của lời, các thi-sĩ sau 1900 đã chứng kiến sự tiến-triển rất mau lẹ của nhân loại về kỹ-thuật, lại kinh-nghiệm đau đớn hai cuộc thế-chiến tàn khốc hơn

các cuộc chiên-tranh cổ-điển. Những cảm-xúc tê-nhị, những trạng-thái tâm-hồn không thể diễn-tả rạch-ròi bằng các giá-trị giao-ước cũ. Bởi vậy xuất hiện những thi-sĩ « Siêu-thực » (surréalistes) nhưng cõi nguồn vẫn không ngoài sự dùng cảnh vật để tượng trưng cho một cảm-giác, một cảm-tình, một trạng-thái của tâm-hồn.

Thi-sĩ André Breton đã bày tỏ chủ-trương của phong trào Siêu-thực trong 2 bản tuyên ngôn (1924 và 1930) phá bỏ hình thể cũ của câu thơ, cách hành văn, thứ tự chữ, thay bằng những hình ảnh góp ghép một cách khác thường. Vì thế thơ trở thành khó hiểu một phần nào cho nhiều người. Các thi-sĩ Eluard, Michaux, Ponge v.v..., có những bài dịch trong tập này cho ta thấy nhiều khía cạnh mới của thi-hứng.

Trên đây chúng tôi chỉ phác họa qua loa sự tiền triển của thi-ca Pháp để độc giả có những định-điểm nhận xét. Và tập tuyển dịch này chỉ là một số ít bài thơ Pháp nhặt qua các thời đại, trong những bài được nhiều người nhắc nhở đến, và chứa đựng những tình-cảm, những ý-nghĩ không xa lạ hoặc cách-biệt gì mấy đối với Đông-phương chúng ta.

*Dịch-giả*

# thơ pháp-ngữ tuyển-dịch



## **CHARLES D'ORLÉANS**

**1391-1465**

Dòng dõi quý-tộc, tham-gia chiên-sự, bị  
người Anh bắt trong trận Azincourt, cầm tù  
25 năm ở nước Anh. Sau khi được trả tự-do,  
về điền-viên tại Blois, chuyên về văn-thơ.

Lời thơ bóng bảy, du-duong.

**R O N D E A U**

Le temps a laissé son manteau  
De vent, de froidure et de pluie,  
Et s'est vêtu de broderie,  
De soleil luisant, clair et beau.

Il n'y a bête ni oiseau,  
Qu'en son jargon ne chante ou crie  
« Le temps a laissé son manteau  
De vent, de froidure et de pluie. »

Rivière, fontaine et ruisseau  
Portent en livrée jolie  
Gouttes d'argent d'orfèvrerie ;  
Chacun s'habille de nouveau :

Le temps a laissé son manteau  
De vent, de froidure et de pluie.

## ĐOÀN CA LUÂN VẬN

*Trời đã bỏ áo choàng  
 Đầm mưa gió tuyêt sương,  
 Khoác áo thêu hào-quang  
 Nắng tươi lộng-lẫy vàng.*

*Đủ trăm loài chim muông,  
 Cùng mừng rõ hót vang :  
 Trời đã bỏ áo choàng  
 Đầm mưa gió, tuyêt sương.*

*Suối nguồn như trường-giang  
 Khoe y-phục xênh-xang  
 Điểm giọt bạc giọt vàng ;  
 Toàn áo mới huy-hoàng.*

*Trời đã bỏ áo choàng  
 Đầm mưa gió, tuyêt sương.*



Bataille de Rosbach

## **OLIVIER DE MAGNY**

1524-1561

Sinh tại Quercy, bạn thân của vua Henri IV, rất được các thi-sĩ trong Văn-Đoàn Pléïade mến chuộng. Sông trong thời trong nước rồi ren vì sự xung đột tôn-giáo và chiên-tranh, bài thơ luật sau đây là phản-ảnh của thời-đại đó.

## SONNET

Gordes, que ferons-nous ? Aurons-nous point la paix ?  
 Aurons-nous point la paix quelquefois sur la terre ?  
 Sur la terre aurons-nous si longuement la guerre,  
 La guerre qui au peuple est un si pesant faix ?

Je ne vois que soudards, que chevaux et harnois,  
 Je n'ois que deviser d'entreprendre et conquerre,  
 Je n'ois plus que clairons, que tumulte et tonnerre  
 Et rien que rage et sang je n'entends et ne vois.

Les princes aujourd'hui se jouent de nos vies  
 Et quand elles nous sont après les biens ravies  
 Ils n'ont pouvoir ni soin de nous les retourner.

Malheureux sommes-nous de vivre en un tel âge,  
 Qui nous laissons ainsi de maux environner,  
 La coupe vient d'autrui, mais nôtre est le dommage.

## THƠ LUẬT

*Chiến-sĩ, rồi ta tính sao đây?*

*Hòa-bình liệu có thay chăng ngày?*

*Trái đất chiến-tranh dai-dẳng mãi,*

*Nỗi khổ dân đen chịu đã đây...*

*Nào lính, nào ngựa, nào binh-kí,*

*Chỉ những khởi-hỗn cùng xâm-lăng.*

*Tiếng kèn, tiếng thét, tiếng xô-xát,*

*Noi thì đổ máu, noi hung-hỗn.*

*Vua chúa kẽ gì sanh-mạng dân?*

*Dân mất nhà cửa, mất cả thân...*

*Vua chúa quyền nào trả được lại,*

*Mù họ thương đau đến kẽ bần.*

*Khổ thay đời sống trong buổi này :*

*Chung-quanh toàn những chuyện đắng cay!*

*Được thì người hưởng trọn sung-sướng,*

*Phản thua ta vẫn chịu xưa rày.*



## RON SARD

1524 - 1585

Pierre de Ronsard sinh ở gần Vendôme. Hồi thanh-niên, từng tháp tùng quân-công d'Orléans, con vua François I, tại các nước Anh, Đức và Ý và rất thông thạo tiếng các nước ấy. Trước dự-định vào ngành ngoại-giao, nhưng rủi năm 20 tuổi, bị điếc, và sau đó trong 7 năm chuyên học cổ văn Hy-Lạp và La-Mã. Năm 1549 sáng lập Thât-tinh Văn-Đoàn (La Pléïade) chuyên về văn thơ, và chẳng bao lâu nổi tiếng lừng lẫy. Tính thích ở thôn-quê. Bài tặng nàng Cassandre, trích ở tập Odes, ví người đàn bà như đóa hoa hồng, không có thi tứ lạ, nhưng khéo ở chỗ tạo thành cảnh: Ra ngắm hoa, nhớ lúc hoa tươi, cảm thông hoa tàn, rồi luận nên hướng tuổi xanh.

Ngoài tập Odes, còn tập Amours (Tình ái) có 3 giai-đoạn:

- 1552 Ái tình nàng Cassandre, con gái của Bernard Salvinti, người Ý, lập nghiệp tại Pháp. Cassandre là tổ tiên của thi-sĩ Alfred de Musset.
- 1556 Ái tình nàng Marie, chính tên là Marie Dupin, một thiêu-nữ vùng Anjou, trong đó nhiều bài thơ luật (Sonnet) hay, nhất là bài khóc nàng Marie.
- 1574 Ái tình nàng Hélène, tức Hélène de Surgères, trong đó bài thơ-luật gửi cho nàng Hélène được nhiều người ca tụng.

## A CASSANDRE

Mignonne, allons voir si la rose  
 Qui ce matin avait déclosé  
 Sa robe de pourpre au soleil,  
 A point perdu cette vêprée  
 Les plis de sa robe pourprée  
 Et son teint au vôtre pareil.

Las ! voyez comme en peu d'espace,  
 Mignonne, elle a dessus la place,  
 Las ! Las ! ses beautés laissé choir !  
 O vraiment marâtre nature,  
 Puisqu'une telle fleur ne dure  
 Que du matin jusques au soir !

Donc, si vous me croyez, mignonne,  
 Tandis que votre âge fleuronne  
 En sa plus verte nouveauté,  
 Cueillez, cueillez votre jeunesse :  
 Comme à cette fleur, la vieillesse  
 Fera ternir votre beauté.

## GỬI CASSANDRE

Buổi sớm bông hồng nở thắm-tươi  
 Khuynh-thành nét ấy há thua ai!  
 Chiều này, ta thử ra coi lại  
 Hương sắc còn chẳng như buổi mai?

Cassandre, trông đó, hối em ơi!  
 Cánh thắm giờ đây đã rã-rời.  
 Trẻ tạo cơ-cầu chi lấm mẩy,  
 Kiếp hoa sớm nở, tối tàn rồi...

Điều chi ngờ nữa, đóa hoa xuân  
 Giữa lúc đang phô vẻ tuyệt trần,  
 Hãy ngắm màu xuân trong lúc thắm;  
 Quá thì, hoa héo, hết thanh-tân!

## A HÉLÈNE

Quand vous serez bien vieille, au soir à la chandelle,  
Assise auprès du feu, dévidant, et filant,  
Direz, chantant mes vers, et vous émerveillant :  
« Ronsard me célébrait du temps que j'étais belle ».

Lors vous n'aurez servante oyant telle nouvelle,  
Déjà sous le labeur à demi sommeillant,  
Qui, au bruit de mon nom, ne s'aille réveillant,  
Bénissant votre nom de louange immortelle

Je serai sous la terre, et, fantôme sans os,  
Par les sombres myrteux je prendrai mon repos ;  
Vous serez au foyer une vieille accroupie,

Regrettant mon amour et votre fier dédain.  
Vivez, si m'en croyez, n'attendez à demain ;  
Cueillez dès aujourd'hui les roses de la vie.

## GỬI HÉLÈNE

Bên bếp lửa, chiều xuân đã muộn,  
 Ngồi quay tờ dưới ngọn đèn tà  
     Lặng-silence mây đoan tình-ca,  
 Lòng tờ xúc-động, ngần-ngờ bối-hồi :  
     « Ấy đương độ hoa cười ngọc nói,  
     « Thơ Ronsard ca-nợi đã nhiều ».

Thị-tù mỏi-mệt thiu-thiu  
 Nghe tên, cũng tỏ ra chiều bâng-khuâng.  
     Nhớ lời thơ, lại càng nãc-nởm,  
     Nét khuynh-thành gợi cảm ngàn năm !

Bấy giờ lòng đắt ta năm  
 Làm ma không cốt, coi âm vật-vờ...  
     Ngồi ôm gối bên lò hiu quanh  
     Ngắm da mồi, em tranh niềm xưa :

Hận mình kiêu-hanh hững-hờ,  
 Mỗi tình đầm thắm nỡ ngơ chó đánh !  
     Hãy nhớ lấy : ngày xanh chóng lui  
     Đừng dấn-đo chờ đợi làm chi,  
     Ai ơi, xin hãy hái đi  
     Những bông hoa thắm đương thì xuân tươi !

## A M A R I E

Comme on voit sur la branche, au mois de mai, la rose,  
 En sa belle jeunesse, en sa première fleur,  
 Rendre le ciel jaloux de sa vive couleur,  
 Quand l'aube de ses pleurs, au point du jour, l'arrose ;

La grâce dans sa feuille et l'Amour se repose,  
 Embaumant les jardins et les arbres d'odeur ;  
 Mais, battue ou de pluie ou d'excessive ardeur,  
 Languissante, elle meurt, feuille à feuille déclose ;

Ainsi, en ta première et jeune nouveauté,  
 Quand la terre et le ciel honoraient ta beauté,  
 La Parque t'a tuée et cendre tu reposes.

Pour obsèques reçois mes larmes et mes pleurs,  
 Ce vase plein de lait, ce panier plein de fleurs,  
 Afin que, vif et mort, ton corps ne soit que roses.

## KHÓC MARIE

Tiết xuân sang, bông hồng chớm nở,  
Hoa đàu mùa, rực-rỡ thanh-tân.

Bình-minh giọt lệ đượm nhuần,  
Hồng-quân với khách hồng quần khéo ghen !

Nương cánh lá, tình xuân ẩn-uớc,  
Khắp vườn cây sực-nết hương đưa.  
Nhưng rời dãi nắng đầu mưa  
Cánh rời-rã cánh, cành xo-xác cành...

Kiếp, hồng-nhan mong-manh là thê  
Đương thì xuân đất nê trời vì  
Chúa xuân độc-địa làm chi,  
Tui-thương hoa héo, thảm-thê tro tàn !

Ta rờ lê khóc than thương xót  
Tiễn đưa em gọi chút tỏ lòng :  
Dâng em một lăng hoa hồng,  
Tử-sinh, em vẫn sánh cùng hoa-khôi !



## **MALHERBE**

1555-1628

François de Malherbe sinh tại Caen, là văn sĩ đã tạo nên quy-cù cho văn thơ Pháp. Năm 1605 được tiến cử lên vua Henri IV, trở thành thi-sĩ công-thức của triều-dinh để làm những thơ thù-ứng.

### CONSOLATION A DU PERIER

Ta douleur, Du Perier, sera donc éternelle  
 Et les tristes discours  
 Que te met en l'esprit l'amitié paternelle  
 L'augmenteront toujours ?

Le malheur de ta fille au tombeau descendue  
 Par un commun trépas,  
 Est-ce quelque dédale où ta raison perdue  
 Ne se retrouve pas ?

Je sais de quels appas son enfance était pleine  
 Et n'ai pas entrepris,  
 Injurieux ami, de soulager ta peine  
 Avecque son mépris.

Mais elle était du monde, où les plus belles choses  
 Ont le pire destin,  
 Et rose, elle a vécu ce que vivent les roses :  
 L'espace d'un matin.

Puis quand ainsi serait que, selon ta prière,  
 Elle aurait obtenu  
 D'avoir en cheveux blancs terminé sa carrière,  
 Qu'en fût-il avenu ?

## AN ỦI BẠN DU PERIER

Tình phu-tử đã dành khăng-khit,  
 Há ngàn năm vẫn-vít không nguôi?  
 Xót con, than khóc hết lời,  
 Càng thêm gợi mãi bi-ai trong lòng.

Tuổi đôi tám lìa vòng tròn-tục  
 Lê tử-sinh âu cũng là thường  
 Ưu-tư đâu bốn trăm đường  
 Làm cho thần-trí ngồn-ngang rồi bời?

Võn biết cháu sắc tài vẹn đủ  
 Vẻ anh-hoa hiếm có trong đời.  
 Gương tìm an-ủi mấy lời  
 Bạn nào nỡ miệt hương trời nữa sao!

Ấy cũng bời lạc vào khồ hải  
 Mệnh ghen tài lạ thói hóa công!  
 Mong-manh chút phận hoa hồng  
 Thắm tưới một buổi là xong kiếp trần.

Dù được thỏa mười phần mong-ước  
 Tuổi thanh-xuân lần bước đến già  
 Đến già rồi cũng phải lìa  
 Bấy giờ, nào có hơn gì hôm nay!

Penses-tu que, plus vieille, en la maison céleste  
     Elle eût eu plus d'accueil ?  
 Ou qu'elle eût moins senti la poussière funeste  
     Et les vers du cercueil

Non, non, mon Du Perier, aussitôt que la Parque  
     Ote l'âme du corps,  
 L'âge s'évanouit au deça de la barque  
     Et ne suit point les morts...

La Mort a des rigueurs à nulle autre pareilles ;  
     On a beau la prier,  
 La cruelle qu'elle est se bouche les oreilles  
     Et nous laisse crier.

Le pauvre en sa cabane, où le chaume le couvre,  
     Est sujet à ses lois ;  
 Et la garde qui veille aux barrières du Louvre  
     N'en défend point nos rois.

De murmurer contre elle et perdre patience  
     Il est mal à propos ;  
 Vouloir ce que Dieu veut est la seule science  
     Qui nous mette en repos.

*Hay báu nghĩ già may hơn trẻ,  
Lên thiên-cung được nhẹ tăm thân :  
Già rồi không nặng mùi trần  
Mùi giờ, mùi bụi trong lán áo quan !*

*Đâu có những tính-toan nhường ấy :  
Liếm từ-thân một hái là thôi.  
Hồn nào có tuổi đi đôi  
Tuổi theo đến chết, chết rồi là xong.*

*Quả Thần Chết vô cùng khe-khart,  
Đau van lớn chỉ mặt công tois.  
Tro-tro sắt đá chẳng đời  
Bịt tai, mặc kẽ kêu trời thát-thanh.*

*Người nghèo-khổ nhà tranh vách nát  
Lê tử-sinh đâu thoát được vòng ?  
Vệ-binh túc-trực hoàng-cung  
Cũng không giữ nổi mình rồng muôn năm  
  
Đừng nóng-nảy làm bầm vô ích,  
Hòn làm chi thần chết cho hoài.  
Muốn ngồi an-hưởng cuộc đời,  
Đành lòng quy-phục mệnh trời là khôn !*



## RACAN

1589-1670

Hầu tước Racan tên là Honorat de BUEIL, sinh tại lâu-đài Champmarin, gần xứ Aubigné, mất tại Paris. Bạn thân của thi-sĩ Malherbe, có chân trong Viện Hàn-Lâm. Văn-chương bị ảnh-hưởng văn-học nước Ý, nhưng đặc-sắc ở chỗ tả tình, tả cảnh một cách chân thật. Về già chuyên về văn thơ tôn-giáo.

Tác-phẩm :

- Stance sur les douceurs de la retraite,
- Les bergeries,
- Psaumes,
- Odes sacrées.

Bài thơ trường thiền « Vui thú điên-viên », văn-chương điêu-luyện, còn được truyền tụng.

### DOUCEURS DE LA VIE CHAMPÊTRE

Tircis, il faut penser à faire la retraite ;  
 La course de nos jours est plus qu'à demi faite ;  
 L'âge insensiblement nous conduit à la mort.  
 Nous avons assez vu sur la mer de ce monde  
 Errer au gré des flots notre nef vagabonde :  
 Il est temps de jouir des délices du port.

Le bien de la fortune est un bien périssable,  
 Quand on bâtit sur elle, on bâtit sur le sable ;  
 Plus on est élevé, plus on court de dangers ;  
 Les grands pins sont en butte aux coups de la tempête  
 Et la rage des vents brise plutôt le faîte  
 Des maisons de nos rois que les toits des bergers.

O ! bienheureux celui qui peut de sa mémoire  
 Effacer pour jamais ce vain espoir de gloire  
 Dont l'inutile soin traverse nos plaisirs,  
 Et qui, loin retiré de la foule importune,  
 Vivant dans sa maison, content de sa fortune,  
 A, selon son pouvoir, mesuré ses désirs !

Il laboure le champ que labourait son père ;  
 Il ne s'informe pas de ce qu'on délibère  
 Dans ces graves conseils d'affaires accablés

## VUI THÚ ĐIỀN-VIÊN

Bạn ơi, thôi liệu về thôi,  
Đường đời đi quá nùa rồi còn đâu!  
Cái già lảng-lảng theo sau,  
Theo sau lảng-lảng dần vào cõi không.  
Bấy lâu, trên sóng bênh-bồng,  
Con thuyền chìm nổi khắp trong bể trần.

Thôi thôi, xin chó tân-ngần,  
Cắm sào, nghỉ chôn hải rắn thỏa-thuê.  
Giàu sang chưa chín nổi kê,  
Lâu xây trên cát hòng gì vừng đâu!  
Trèo cao, khi ngã càng đau,  
Thông cao, càng phải đương đau cuồng phong.

Cuồng-phong lật mái hoàng-cung,  
Mái lêu của kẻ mục-đồng chẳng nao!  
Ham gì lộc trọng quyền cao,  
Dù vinh cho mấy tránh sao khỏi phiền.  
Quên đi hết cả là tiên  
Gắn nơi nhà cỏ, lánh miên phồn-hoa.

Hay hèn, ta biết phận ta,  
Ước mong chi những cao-xa quá vời.  
Ruộng nhà cây cay trông-coi,

Il voit sans intérêt la mer grosse d'orage,  
 Et n'observe des vents les sinistres présages  
 Que pour le soin qu'il a du salut de ses blés.

Roi de ses passions, il a ce qu'il désire ;  
 Son fertile domaine est son petit empire ;  
 Sa cabane est son Louvre et son Fontainebleau ;  
 Ses champs et ses jardins sont autant de provinces,  
 Et, sans porter envie à la pompe des princes,  
 Se contente, chez lui, de les voir en tableau.

Il voit de toutes parts combler d'heur sa famille,  
 La javelle à plein poing tomber sous la fauille,  
 Le vendangeur ployer sous le faix des paniers ;  
 Et semble qu'à l'envie les fertiles montagnes,  
 Les humides vallons et les grasses campagnes  
 S'efforcent à remplir sa cave et ses greniers.

Il suit aucunes fois un cerf par les foulées,  
 Dans ces vieilles forêts du peuple reculées,  
 Et qui même du jour ignorent le flambeau ;  
 Aucunes fois des chiens il suit les voix confuses,  
 Et voit enfin le lièvre, après toutes ses ruses,  
 Du lieu de sa naissance en faire son tombeau.

Il soupire en repos l'ennui de sa vieillesse,

Lánh nơi hội-thảo là nơi bôn-bàng.

Mặc cho biển động kinh-hoàng,  
Gió to, cốt giữ mùa-màng được yên.

Một mình giữa cảnh thiên-nhiên,  
Muốn gì cũng sẵn trong miền đất-dai.

Căn lều sánh tựa lâu-đài.  
Ruộng nương là tinh, vườn cây là làng.  
Lọ là tán tía tàn vàng,  
Tàn vàng tán tía : trang-hoàng trong tranh.

Em-đêm hạnh-phúc gia-đình,  
Từng bồ lúa chín, từng giàn nho tươi.  
Đông-điền thung-lũng của trời,  
Góp công sản-xuất dồn nơi kho tàng.

Có khi vui bước băng rìng,  
Rìng sâu, chira lọt bóng dương thủa giờ.  
Hươu nai, vết móng theo dò,  
Chó săn sục thỏ, đã lùa khỏi hang :  
Thỏ rìng lùa lọc hết đường,  
Đành liều sinh tử một trường cho xong.

Căn nhà từ buỗi ău-xung,

Dans ce même foyer où sa tendre jeunesse  
 A vu dans le berceau ses bras emmaillotés.  
 Il tient par les moissonnés registre des années  
 Et voit de temps en temps leurs courses enchaînées,  
 Vieillir avec que lui les bois qu'il a plantés.

Il ne va point fouiller aux terres inconnues,  
 A la merci des vents et des ondes chenues,  
 Ce que Nature avare a caché de trésors.  
 Et ne recherche point, pour honorer sa vie,  
 De plus illustre mort ni plus digne d'envie,  
 Que de mourir au lit où ses pères sont morts.

S'il ne possède point ces maisons magnifiques,  
 Ces tours, ces chapiteaux, ces superbes portiques  
 Où la magnificence étale ses attraits,  
 Il jouit des beautés qu'ont les saisons nouvelles,  
 Il voit de la verdure et des fleurs naturelles  
 Qu'en ces riches lambris l'on ne voit qu'en portraits.

Agréables déserts, séjour de l'innocence,  
 Où, loin des vanités, de la magnificence,  
 Commence mon repos et finit mon tourment.  
 Vallons, fleuves, rochers, plaisante solitude,  
 Si vous fûtes témoins de mon inquiétude,  
 Soyez-le désormais de mon contentement.

Trong nôi, nhó lúc tâ bông quanh người.

Bây giờ bước đã nhẹ rồi,

Chôn rau chồn cũ là nơi duong già.

Năm năm, cùt tính theo mùa,

Cây trỗng thủa trước, sồng đua với mình.

Mặc ai chuộng lá tham thanh,

Của trời trời giữ, kiềm quanh được nào!

Non xa nước thẳm tìm vào,

E khi sóng gió ào-ào cuộn trôi...

Chết dù oanh-liệt hơn đời

Sao bằng yên-ôn chết nơi quê nhà!

Màng chi lâu các nguy-nga,

Nhà cao cửa rộng : phù-hoa mẽ ngoài.

Sảnh đâu vẻ đẹp của trời,

Hoa thơm cỏ lạ khoe tươi quanh mình.

Thiên-nhiên mới thật hưu-tình,

Nhà giàu chỉ được xem tranh biết gì!

Nơi đây thủy-tú sơn-ky,

(Huy-hoàng già-dỗi, xá chi cảnh đời !)

Hòn-nhiên một cõi yên-vui,

Ưu-tư đã dứt, nghỉ-ngoại là nhàn.

Chíng-minh kìa có lâm-toàn !



## MARCELINE DESBORDES-VALMORE

1786-1859

Nữ thi-sĩ Marceline Desbordes-Valmore trải qua một cuộc đời nghèo khó, đau thương, lời văn tha thiết, chan chứa cảm-tình và hoài bão. Nhà đại văn-hào Victor Hugo đã tặng cho danh-tù « hiện-thân của Thơ ».

Bài thơ *Hoa hồng của Saadi*, mượn đề-tài của thi-sĩ Saadi, người Ba-Tur (Perse), tác-giả tập thơ Gulistan (Vườn hồng). Bài tựa của tập thơ ấy nhắc đến chuyện một tu-sĩ nhập định; lác xong có người bạn hỏi: Hôn bác vừa dong chơi nơi vườn lợ, đem về được gì quý báu? Tu-sĩ trả lời: Tôi thây đi đến một cây hồng, kéo vạt áo, hái rất nhiều hoa định đem về làm quà cho bạn hữu, nhưng quá say sưa ngây ngất vì hương thơm, vạt áo buột khỏi tay!

Nữ thi-sĩ Marceline Desbordes-Valmore đã khéo làm thành bài thơ *Hoa hồng của Saadi* trong chín câu thơ tả cảnh tả tình một cách tuyệt diệu.

### LES ROSES DE SAADI

J'ai voulu ce matin te rapporter des roses ;  
Mais j'en avais tant pris dans mes ceintures closes  
Que les nœuds trop serrés n'ont pu les contenir.

Les nœuds ont éclaté. Les roses envolées  
Dans le vent, à la mer s'en sont toutes allées ;  
Elles ont suivi l'eau pour ne plus revenir ;

La vague en a paru rouge et comme enflammée.  
Ce soir, ma robe encore en est tout embaumée...  
Respires-en sur moi l'odorant souvenir.

## HOA HỒNG CỦA SAADI

Sớm nay muôn tặng con bó hồng,  
Tham lam đi hái quá nhiều bông.  
Đắt vào dây lưng gài nút chặt,  
Chặt quá, nút dây bỗng đứt tung.

Chặt quá, nút dây bỗng đứt tung.  
Hoa rơi lả tả gió bay cùng...  
Hoa theo gió hồi trôi ra biển,  
Nước cuồn đi rồi đứng ngắn trông...

Nước cuồn đi rồi đứng ngắn trông...  
Sóng hoa như lửa ửng màu hồng.  
Chiều về áo mẹ còn thơm ngát,  
Thoảng chút dư-hương, con thay lòng...



## ANDRÉ CHÉNIER

1762-1794

Sinh tại Constantinople, cõi-đô nước Thổ Nhĩ-Kỳ. Cha là người Pháp, mẹ người Hy Lạp. Từ thuở nhỏ học ở Pháp-quốc. Tính hăng-hái, yêu văn-chương, óc tân-tiên, đã nói lên quan-điểm về văn-nghệ trong câu thơ : Sur des pensers nouveaux faisons des vers antiques (ý-kiên mới diẽn bằng thơ cõi-diẽn). Tác-giả các tập thơ : Bucoliques (Lâm-mục thi), Idylles (Hoa-tình thi), Elégies (Ai-văn thi). Hồi nước Pháp có cuộc cách-mệnh lật đổ chế-độ quân-chủ, André Chénier tham-gia, viết nhiều về chính-trị, nhưng vì ý-kiên bất đồng nên Hội-Nghị Quốc-Ước Pháp thù ghét ; rồi bị Tòa-Án Cách-Mệnh xử tử-hình. Chết trên đoạn đầu dài 25-7-1794. Về chính-trị, André Chénier còn tập thơ Iambes đả-kích những người lợi-dụng cuộc Cách-Mệnh để úc-hiếp dân.

Người thiều-nữ bị cầm tù nói trong bài thơ  
La jeune captive là nữ Công-tước de Fleury,  
nhũ danh Aimée de Coigny, hồi ây 25 tuổi.  
May mắn hơn Chénier, bà thoát chết.

### LA JEUNE CAPTIVE

« L'épi naissant mûrit de la faux respecté ;  
 Sans crainte du pressoir, le pampre, tout l'été,  
     Boit les doux présents de l'aurore ;  
 Et moi, comme lui belle, et jeune comme lui,  
 Quoi que l'heure présente ait de trouble et d'ennui,  
     Je ne veux point mourir encore.

« Qu'un stoïque aux yeux secs vole embrasser la mort,  
 Moi je pleure et j'espère ; au noir souffle du nord  
     Je plie et relève ma tête.  
 S'il est des jours amers, il en est de si doux !  
 Hélas ! quel miel jamais n'a laissé de dégoûts ?  
     Quelle mer n'a point de tempête ?

« L'illusion féconde habite dans mon sein.  
 D'une prison sur moi les murs pèsent en vain,  
     J'ai les ailes de l'espérance :

## THIỀU-NỮ TRONG KHÁM-ĐƯỜNG

« Nôn-nà bông lúa hoe vàng,  
 Nở đem lưỡi hái cắt ngang sao đành !  
 Đầm sương suốt buổi bình-minh  
 Cảnh nho tháng hạ mặc tình khoe tươi.  
 Lo chi máy ép nghiền đời...  
 Em đang trẻ đẹp giữa thời thanh-xuân.  
 Dẫu rằng bối-rồi phản-vân,  
 Cõi trần, ai muốn lánh chân nửa vời !

« Triết-nhân mắt ráo nhìn đời,  
 Bởi rằng sinh tử lẽ trót đã quen.  
 Mắt em dẫu lệ còn hoen,  
 Mà lòng mong-ước vẫn bên uớc-mong.  
 Trước cơn gió cả hãi-hùng  
 Cái lung chịu trận, còn mong ngang đâu.  
 Đã từng cay đắng thảm sâu  
 Cũng từng vui hưởng bấy lâu ngọt bùi.  
 Mật ngọt nêm mãi lợm mùi  
 Biển mà bão tố ngoài khơi là thường...

« Uớc-mong đào-dạt tâm-trường,  
 Một mình ngồi giữa bốn tường chông-chênh.  
 Cánh chim hi-vọng nhẹ tênh,

Echappée aux réseaux de l'oiseleur cruel,  
 Plus vive, plus heureuse, aux campagnes du ciel  
 Philomèle chante et s'élance.

« Est-ce à moi de mourir ? Tranquille je m'endors  
 Et tranquille je veille, et ma veille aux remords  
 Ni mon sommeil ne sont en proie.  
 Ma bienvenue au jour se rit dans tous les yeux ;  
 Sur des fronts abattus, mon aspect dans ces lieux  
 Ranime presque de la joie...

« Mon beau voyage encore est si loin de sa fin !  
 Je pars, et des ormeaux qui bordent le chemin  
 J'ai passé les premiers à peine ;  
 Au banquet de la vie à peine commencé,  
 Un instant seulement mes lèvres ont pressé  
 La coupe en mes mains encor pleine.

« Je ne suis qu'au printemps, je veux voir la moisson ;  
 Et comme le soleil, de saison en saison,  
 Je veux achever mon année.  
 Brillante sur ma tige et l'honneur du jardin,  
 Je n'ai vu luire encor que les feux du matin,  
 Je veux achever ma journée.

Nương theo, em thoát ngoài vành phiền-lo.

Lọt qua dò lướt hung-đồ,  
Hoa-mi hớn-hở bay đua tút trời.

« Đâu đến em phải lìa đời ?  
Một mình, ngày vắn đêm dài thong-dong.  
Ăn-năn, chút chảng vương lòng,  
Thấy em, ai cũng đòi tròng ngồi lên :  
Bao nhiêu nét mặt ưu phiền  
Đầu trong ngực tôi cũng liên sáng ra !

« Lãng-du vừa bén gót hoa,  
Bên đường cõ-thụ mới qua một vài.  
Cõi trần đương góp tiệc vui,  
Trong tay, li hãy chira voi rượu nồng.  
Men đời vừa nhấp môi không,  
Vội chi chuốc lấy long-đong phận mình.

« Chừng xuân sơ liễu còn xanh,  
Cũng cho, gặt hái, lân quanh tối mùa.  
Bốn mùa, thợ tạo thoi đưa,  
Qua cho đủ hết mới vừa đầy niên.  
Trên cành bông thắm khoe duyên  
Hoa-khôi thật đã nỗi tên cả vờn.  
Bình-minh, ánh lửa đương vờn  
Sao cho trưa lui, chiều tan mới là !

« O mort ! tu peux attendre ; éloigne, éloigne-toi ;  
 Va consoler les cœurs que la honte, l'effroi,  
 Le pâle désespoir dévore.

Pour moi Palès encore a des asiles verts,  
 Les Amours des baisers, les Muses des concerts :  
 Je ne veux point mourir encore. »

Ainsi, triste et captif, ma lyre toutefois  
 S'éveillait, écoutant ces plaintes, cette voix,  
 Ces vœux d'une jeune captive ;  
 Et secouant le faix de mes jours languissants,  
 Aux douces lois des vers je pliais les accents  
 De sa bouche aimable et naïve.

Ces chants, de ma prison témoins harmonieux,  
 Feront à quelque amant des loisirs studieux  
 Chercher quelle fut cette belle :  
 La grâce décorait son front et ses discours,  
 Et, comme elle, craindront de voir finir leurs jours  
 Ceux qui les passeront près d'elle.

« Tử-thân, ngươi hãy lánh ra,  
 Vào nơi tuyệt-vọng, xót-xa, mà hành.  
 Vội chi bỉ nhụy chiết cành,  
 Em còn nương chốn am thanh mục-thân.  
 Ai ân còn đợi Đông-quân,  
 Du-dương điệu Nhạc bỏ thân sao đành ! »

Khóc than khôn xiết sự tình,  
 Giai-nhân sao cũng ngục-hình khá thương !  
 Nỗi ta đang nặng đoạn-trường,  
 Vâng nghe tiếng oán lại càng xót-xa.  
 Lời vàng thốt tự miệng hoa,  
 Phổ thành một điệu bi-ca não-nùng.

Điệu này dịu cảnh lao-lung,  
 Ấy ai tình-chủng ắt mong biết người.  
 Người cùng yêu-diệu như lời,  
 Ai nghe, mà ở gần ai, cũng sâu :  
 Sâu cho sớm ngả bóng đâu...



## ALPHONSE DE LAMARTINE

1790-1869

Thi-sĩ nổi danh phái Lãng-mạn (Romantiques). Văn-chương óng chuồt, thi-tú phóng-khoáng đượm vẻ u-buồn. Tác-giả các tập thơ :

Méditations (trầm-tư)	1820, 1823
Harmonies poétiques et religieuses (hòa âm thi-tú và đạo-lý)	1829
Recueilements (mặc-tưởng) và một tiểu-thuyết : Jocelyn	1839 1836

Sau đó tham-gia chính-trị và từ 1851 không hoạt-động. Trong văn-hóa Pháp, sự-nghiệp văn-thơ của Alphonse de Lamartine còn giữ địa-vị quan-trọng.

### LA TERRE NATALE

Pourquoi le prononcer ce nom de la patrie ?  
Dans son brillant exil mon cœur en a frémi ;  
Il résonne de loin dans mon âme attendrie,  
Comme les pas connus ou la voix d'un ami.

Montagnes que voilait le brouillard de l'automne,  
Vallons que tapissait le givre du matin,  
Saules dont l'émondeur effeuillait la couronne,  
Vieilles tours que le soir dorait dans le lointain,

Murs noircis par les ans, coteaux, sentier rapide,  
Fontaine où les pasteurs accroupis tour à tour  
Attendaient goutte à goutte une eau rare et limpide,  
Et, leur urne à la main, s'entretenaient du jour.

Chaumière où du foyer étincelait la flamme,  
Toit que le pèlerin aimait à voir fumer ;  
Objets inanimés, avez-vous donc une âme  
Qui s'attache à notre âme et la force d'aimer ?

## CÔ-HƯƠNG

Bàng-hoàng trong bước lưu ly,  
 « Cô-hương » hai tiếng nhắc chi thêm buồn !  
 Xa nghe vẳng đèn tâm-hồn  
 Tưởng như tiếng bạn, nhịp mòn bước chor.

Sương thu mờ dạng núi-non,  
 Sớm mai, thung-lũng giá còn bạc phau  
 Dao hàn xén liêu rủ-sầu  
 Tháp xưa vàng úa bóng dâu xa vời...

Tường đen, lối dốc chân đồi,  
 Chăn chiến mấy chú thay ngồi bên khe :  
 Đợi từng giọt nước chảy rì,  
 Hứng vào lòng gáo, tì-tê chuyên đời.

Căn lều, ánh bếp sáng ngồi,  
 Khách-du vẫn mến nóc gòi khói tuôn.

Phải chăng :  
 Vô tri, mà vật có hồn  
 Quyện theo hồn khách khơi nguồn luyến thương...

## LE PREMIER REGRET

Sur la plage sonore où la mer de Sorrente  
Déroule ses flots bleus au pied de l'oranger,  
Il est, près du sentier, sous la haie odorante,  
Une pierre petite, étroite, indifférente  
Aux pieds distraits de l'étranger.

La giroflée y cache un seul nom sous ses gerbes  
Un nom que nul écho n'a jamais répété !  
Quelquefois cependant le passant arrêté,  
Lisant l'âge et la date en écartant les herbes,  
Et sentant dans ses yeux quelques larmes courir,  
Dit : « Elle avait seize ans ! c'est bien tôt pour mourir ! »

Mais pourquoi m'entraîner vers ces scènes passées ?  
Laissons le vent gémir et le flot murmurer ;  
Revenez, revenez, ô mes tristes pensées !  
Je veux rêver et non pleurer !

Dit : « Elle avait seize ans ! — Oui, seize ans ! et cet  
[âge]  
N'avait jamais brillé sur un front plus charmant !  
Et jamais tout l'éclat de ce brûlant rivage

## NÈM MÙI TIỀC THƯƠNG

Biển xanh biếc, sóng reo õ-ạt,  
 Bên gốc cam, vỗ giật ven bờ.  
 Mảnh bia dưới giậu nầm tro  
 Ngõ-ngàng, khách cũng hững-hờ bước chân  
  
 Hoa chen đá, dòng tên lắp kín,  
 Âm-vang nào dội đến tên xưa !  
 Họa chặng ai có bao giờ,  
 Vạch xem ngày tháng đê sơ mẩy hàng,  
 Ất cũng thấy rưng-rưng khóc mắt,  
 Thàm trách cho tạo-vật vô-tình :  
 Hoa kia đổi tám xuân-xanh,  
 Nữ sao lại bắt lìa cành sớm thay !
  
  
 Thôi, vương-văn chi hoài chuyện cũ,  
 Mặc tình cho sóng gió nỉ-non !  
 Lòng tơ luống lại bôn-chồn,  
 Khơi dòng hoài-niệm, ngừng tuôn mạch sâu...
  
  
 Tuổi đôi tám, yêu-kieu đương đố,  
 Nhìn dung-nhan rạng-rỡ lạ nhường :  
 Nắng hun bãi cát trùng-dương

Ne s'était réfléchi dans un œil plus aimant !  
 Moi seul je la revois, telle que la pensée,  
 Dans l'âme où rien ne meurt, vivante l'a laissée,  
 Vivante ! comme à l'heure où les yeux sur les miens,  
 Prolongeant sur la mer nos premiers entretiens,  
 Ses cheveux noirs livrés au vent qui les dénoue,  
 Et l'ombre de la voile errante sur sa joue,

Elle écoutait le chant du nocturne pêcheur,  
 De la brise embaumée aspirait la fraîcheur,  
 Me montrait dans le ciel la lune épanouie,  
 Comme une fleur des nuits dont l'aube est réjouie,  
 Et l'écume argentée, et me disait : « Pourquoi  
 Tout brille-t-il ainsi dans les airs et dans moi ?  
 Jamais ces champs d'azur semés de tant de flammes,  
 Jamais ces sables d'or où vont mourir les lames,  
 Ces monts dont les sommets tremblent au fond des  
 Ces golfes couronnés de bois silencieux, [cieux.  
 Ces lueurs sur la côte, et ces chants sur les vagues !  
 N'avaient ému mes sens de voluptés si vagues !  
 Pourquoi, comme ce soir, n'ai-je jamais rêvé ?  
 Un astre dans mon cœur s'est-il aussi levé ?  
 Et toi, fils du matin, dis, à ces nuits si belles

Ánh lên sóng mắt yêu-đương nào bằng.

Ngay từ thủa bóng hằng mới thoảng,

Chốn linh-dài năm tháng bao quên...

Nào khi mặt biển con thuyền

Đầu mày cuối mắt nặng nguyễn sơ-giao.

Mái tóc huyền buông theo gió tỏa,

Bóng buồm lay trên má chập-chùng.

Gió đau hây-hây mùi hương,

Thoảng đưa ngư-phủ đêm trường tiếng ca.

Kia vầng nguyệt như hoa mở cánh,

Nợ sóng còn lồng-lánh màu ngân.

Trở tay, nàng hỏi tần-ngắn :

« Cảnh này, tình ấy, mười phân huy-hoàng,

« Nên trời biếc, hào-quang rực-rỡ,

« Bãi cát vàng sóng vỗ lừng-lơ,

« Rung-rinh, núi ngắt mây mờ,

« Vịnh sâu rùng thẳm, đèn xa nức gần...

« Nguồn cảm-hứng bâng-khuâng dào-dạt,

« Khiến tâm-hồn như lạc trong mơ...

« Chiều nay, hỏi lại từ xưa :

« Giặc mơ sao mới bây giờ là đây ?

« Hay lòng thiếp có ngôi tinh-tú

« Ánh vừa dâng sáng tỏ tung-bừng ?

« Chàng ôi, vắng thiếp, quê chàng

Les nuits de ton pays sans moi ressemblaient-elles ?  
 Puis, regardant sa mère, assise auprès de nous,  
 Posait pour s'endormir son front sur ses genoux.

Mais pourquoi m'entraîner vers ces scènes passées ?  
 Laissons le vent gémir et le flot murmurer :  
 Revenez, revenez, ô mes tristes pensées !  
 Je veux rêver et non pleurer !

Que son œil était pur et sa lèvre candide !  
 Que son œil inondait mon regard de clarté !  
 Le beau lac de Némi, qu'aucun souffle ne ride,  
 A moins de transparence et de limpidité !  
 Dans cette âme, avant elle, on voyait ses pensées.  
 Ses paupières jamais, sur ses beaux yeux baissées,  
 Ne voilaient son regard d'innocence rempli ;  
 Nul souci sur son front n'avait laissé son pli ;  
 Tout folâtrait en elle ; et ce jeune sourire,  
 Qui plus tard sur la bouche avec tristesse expire,  
 Sur sa lèvre entrouverte était toujours flottant.  
 Comme un pur arc-en-ciel sur un jour éclatant ».  
 Nulle ombre ne voilait ce ravissant visage,  
 Ce rayon n'avait pas traversé de nuage !  
 Son pas insouciant, indécis, balancé,

« Có đêm nào ví đẹp nhường đêm nay ? »

Quay nhìn mẹ, ngồi ngay gần kẽ :

Mỗi thâm-tình trầm vể mến-thương,

Ngả đầu tựa gối huyên-đường.

Êm-đêm giấc điệp, dịu-dàng nét mai.

Thôi, vương-văn chỉ hoài chuyện cũ,

Mặc tình cho sóng gió nỉ-non !

Lòng tơ luồng lại bồn-chồn,

Khơi dòng hoài-niệm, ngừng tuôn mạch sâu...

Cặp môi thắm, tươi màu chắt-phác

Đôi mắt xanh man-máu lòng gương :

Như soi cả tâm can-tràng

Nê-mi hồ lặng cũng nhường chiều thanh !

Nét kiêu-diễm, tâm-tình dẽ lộ

Khóe thu-ba như tỏ mềm trinh.

Hôn-nhiên thay, vẻ hữu-tình !

Mỗi ưu-tư chẳng đẽ hình ngắn dần.

Nụ cười (lúc từn trần ảm-đạm)

Nay hé môi trường đám mây lồng.

Dung-quang như ánh trăng trong,

Flottait comme un flot libre où le jour est bercé  
 Ou courait pour courir et sa voix argentine,  
 Écho limpide et pur de son âme enfantine,  
 Musique de cette âme où tout semblait chanter  
 Égayait jusqu'à l'air qui l'entendait monter !

Mais pourquoi m'entraîner vers ces scènes passées ?  
 Laissons le vent gémir et le flot murmurer ;  
 Revenez, revenez, ô mes tristes pensées !  
 Je veux rêver et non pleurer !

Mon image en son cœur se grava la première,  
 Comme dans l'œil qui s'ouvre, au matin, la lumière ;  
 Elle ne regarda plus rien après ce jour ;  
 De l'heure qu'elle aimait, l'univers fut amour !  
 Elle me confondait avec sa propre vie.  
 Voyait tout dans mon âme, et je faisais partie  
 De ce monde enchanté qui flottait sous ses yeux,  
 Du bonheur de la terre et de l'espoir des cieux.  
 Elle ne pensait plus au temps, à la distance ;  
 L'heure seule absorbait toute son existence ;  
 Avant moi cette vie était sans souvenir.

Gót sen uyển-chuyên như dòng nước sa.

Tiếng oanh vàng như ca như hát

Du-duyên thay khúc nhạc tâm-tình !

Mộng-hồn theo điệu thanh-bình

Họa cùng mây gió, cho mình tinh say...

Thôi, vương-văn chỉ hoài chuyện cũ,

Mặc tình cho sóng gió nỉ-non !

Lòng tơ luống lại bốn-chỗn,

Khai dòng hoài-niệm, ngùng tuôn mạch sâu...

Nhớ lại thủa hô thu gọn sóng,

Chỉ dành in một bóng người tình

Khác nào trong buổi lê-minh

Vừa bừng, mắt đã soi hình thái-duyong !

Khắp hoàn-vũ, coi thường từ đây :

Miệt-mài trong thế-giới chung-tình

Cùng ca lên khúc đồng-thanh

Cuộc truy-hoan chỉ riêng mình với ta !

Đem thiên-quốc đổi hòa nhân-thế

Nguồn ái-ân, ai dễ khơi voi !

Kẽ chi ngày ngắn đường dài,

Chung hình, chung bóng, chung đời thản-tiên.

Khi chưa gặp nghĩ thêm ái-ngại :

Ngày quạnh-hiu bao nỗi bē-bàng.

Un soir de ces beaux jours était tout l'avenir !  
 Elle se confiait à la douce nature  
 Qui souriait sur nous, à la prière pure

Qu'elle allait, le cœur plein de joie et non de pleurs,  
 A l'autel qu'elle aimait répandre avec ses fleurs :  
 Et sa main m'entraînait aux marches de son temple,  
 Et, comme un humble enfant, je suivais son exemple,  
 Et sa voix me disais tout bas : « Prie avec moi !  
 Car je ne comprends pas le ciel même, sans Toi ! »

Mais pourquoi m'entraîner vers ces scènes passées ?  
 Laissez le vent gémir et le flot murmurer ;  
 Revenez, revenez, ô mes tristes pensées !  
 Je veux rêver et non pleurer !

Voyez dans son bassin l'eau d'une source vive  
 S'arrondir comme un lac sous son étroite rive,  
 Bleue et claire, à l'abri du vent qui va courir  
 Et du rayon brûlant qui pourrait la tarir !  
 Un cygne blanc nageant sur la nappe limpide,

Một mình một bóng thê-lương  
 Hoàng-hôn, thôi lại hôn-hoàng thê thôi !  
 Nay một sóm lúa đói kêt chặt,  
 Đóa thiên-hương phó mặc tay trời.

Đói khi hớn-hờ vui cười,  
 Hoa thơm rải cánh ở nơi điện thờ.  
 Đến trước điện giắt ta quỳ xuồng,  
 Tựa trẻ thơ, ta cũng theo nàng.  
 Tiếng oanh thô-thê dịu-dàng ;  
 Một lời xin khẩn thiếp chàng từ đây :  
 Chưa gặp chàng chưa hay họa phúc  
 Nào thiên-đường địa-ngục là đâu ?  
 Trăm năm gắn-bó cùng nhau,  
 Cơ duyên ngãm lại cũng âu lẽ trời.

Thôi, vương-vân chỉ hoài chuyện cũ,  
 Mặc tình cho sóng gió nỉ-non !  
 Lòng tơ luống lại bồn-chồn,  
 Khơi dòng hoài-niệm, ngừng tuôn mạch sầu...

Kia ngọn suối từ đâu đồ xuồng,  
 Bờ viền quanh thành vũng hồ con.  
 Gió im, không gợn chút hòn,  
 Nắng không hắt đèn, không còn lo vời.  
 Con thiên-nga đương bơi tha-thần,

En y plongeant son cou qu'enveloppe la ride,  
 Orne sans le ternir le liquide miroir,  
 Et s'y berce au milieu des étoiles du soir ;  
 Mais si, prenant son vol vers des sources nouvelles,  
 Il bat le flot tremblant de ses humides ailes,  
 Le ciel s'efface au sein de l'onde qui brunit,  
 La plume à grands flocons y tombe et la ternit,  
 Comme si le vautour, ennemi de sa race,  
 De sa mort sur les flots avait semé la trace ;  
 Et l'azur éclatant de ce lac enchanté  
 N'est plus qu'une onde obscure où le sable a monté !

Ainsi, quand je partis, tout tremblait dans cette âme,  
 Le rayon s'éteignit, et sa mourante flamme  
 Remonta dans le ciel pour n'en plus revenir.  
 Elle n'attendait pas un second avenir ;  
 Elle ne languit pas de doute en espérance,  
 Et ne disputa pas sa vie à la souffrance ;  
 Elle but d'un seul trait le vase de douleur  
 Dans sa première larme elle noya son cœur !  
 Et, semblable à l'oiseau, moins pur et moins beau qu'elle,  
 Qui le soir, pour dormir, met son cou sous son aile,

Vực đâu chơi, nỗi ngắn tròn khoanh.

Điểm sao, hồ lại càng xinh :

Chim trời ẩn-hiện trên vành gương trong.

Thiên-nga chợt vỗ tung đôi cánh

Bay tìm nơi lạc-cánh xa vời.

Một vùng mây nước chơi-vơi :

Nước u-ám nước, mây rời-rã mây...

Mảnh lông trắng loi-thoi rót lại,

Vuốt chim ưng giết hại chưa đành

Còn đem gieo vết hận-tình

Vật-vờ chán sóng cho mình xót-thương !

Cánh hồ trước rõ-ràng tho-mộng,

Nay rồi-tăm, sóng rộn cát lầm ;

Ta, từ ra cõi xa-xăm,

Khiến nàng trầm mê ruột takım ngôn-ngang,

Ánh tươi sáng, thiêu-quang vừa dội,

Bỗng hắt-hiu, rồi vội tàn ngay.

Nàng đi lên chốn cung mây,

Còn về chi nữa, đọa-đây tâm thân !

Hồng chi nữa, phân-vân chi nữa,

Thà lánh đời, lánh cả thương đau.

Đắng cay cõi dốc chén sầu

Khôi tình tắm giọt lệ đau mới sa.

Rồi cũng tựa thiên-nga thủa nọ

Elle s'enveloppa d'un muet désespoir,  
Et s'endormit aussi, mais bien avant le soir !

Mais pourquoi m'entraîner vers ces scènes passées ?  
Laissons le vent gémir et le flot murmurer ;  
Revenez, revenez, ô mes tristes pensées !  
Je veux rêver et non pleurer !

Elle a dormi quinze ans dans sa couche d'argile,  
Et rien ne pleure plus sur son dernier asile,  
Et le rapide oubli, second linceul des morts,  
A couvert le sentier qui menait vers ces bords ;  
Nul ne visite plus cette pierre effacée,  
Nul n'y songe et n'y prie !... excepté ma pensée  
Quand, remontant le flot de mes jours révolus,  
Je demande à mon cœur tous ceux qui n'y sont plus,  
Et que, les yeux flottants sur de chères empreintes,  
Je pleure dans mon ciel tant d'étoiles éteintes !  
Elle fut la première, et sa douce lueur  
D'un jour pieux et tendre éclaire encor mon cœur !

Mais pourquoi m'entraîner vers ces scènes passées ?  
Laissez le vent gémir et le flot murmurer ;  
Revenez, revenez, ô mes tristes pensées !  
Je veux rêver et non pleurer !

Buổi tà-huy nép cõi ngủ yên,  
 Nàng đành ôm mỗi hòn duyên,  
 Sớm đã bắt giấc cô-miên ngậm-ngùi...

Thôi, vương-văn chi hoài chuyện cũ,  
 Mặc tình cho sóng gió nỉ-non !  
 Lòng tơ luống lại bồn-chồn,  
 Khơi dòng hoài-niệm, ngừng tuôn mạch sâu...

Mười lăm năm vùi sâu lòng đất  
 Chốn mõ hoang ai cắt tiếng than !  
 Lối vào đồi đã sớm quên :  
 Đồi quên, như vải liệm lên hai lần !  
 Đá đã lấp, ai thăm ai viếng,  
 Ai xót-thương, cầu-nguyện cho ai !  
 Riêng ta tac dạ ai-hoài  
 Trông xuân theo lớp sóng vùi, tiếc xuân...  
 Ánh tình xưa chập-chờn trước mắt,  
 Cõi tâm-thiên sao lặn đêm tà,  
 Tinh-quang chiếu dịu lòng ta,  
 Đây ngôi thứ nhất đèn giờ chưa phai...

Thôi, vương-văn chi hoài chuyện cũ,  
 Mặc tình cho sóng gió nỉ-non !  
 Lòng tơ luống lại bồn-chồn,  
 Khơi dòng hoài-niệm, ngừng tuôn mạch sâu...

Un arbuste épineux, à la pâle verdure,  
Est le seul monument que lui fit la nature ;  
Battu des vents de mer, du soleil calciné,  
Comme un regret funèbre au cœur enraciné,  
Il vit dans le rocher sans lui donner d'ombrage  
La poudre du chemin y blanchit son feuillage ;  
Il rampe près de terre, où ses rameaux penchés  
Par la dent des chevreaux sont toujours retranchés,  
Une fleur au printemps, comme un flocon de neige,  
Y flotte un jour ou deux ; mais le vent qui l'assiège  
L'effeuille avant qu'elle ait répandu son odeur,  
Comme la vie avant qu'elle ait charmé le cœur !  
Un oiseau de tendresse et de mélancolie  
S'y pose pour chanter sur le rameau qui plie !  
Oh ! dis, fleur que la vie a fait sitôt flétrir,  
N'est-il pas une terre où tout doit refleurir ?

Remontez, remontez à ces heures passées !  
Vos tristes souvenirs m'aident à soupirer !  
Allez où va mon âme ! allez, ô mes pensées !  
Mon cœur est plein, je veux pleurer !

Một cây gai râu-râu sắc lá :  
 Ấy trời xanh xây mả hồng-nhan !  
 Chịu bao nắng gió bạo tàn,  
 Đôi không hưởng bóng, rẽ lan khắp đồi.  
 Cây với đồi, tình ơi, lòng hối !  
 Hạnh-phúc đâu ? dù mỗi tiếc-thương...  
 Lá cây trắng xóa bụi đường,  
 Cảnh cây lá ngọn, sơn dương bút dân.  
 Trắng như tuyết, hoa xuân một đáo  
 Được đồi hôm chớm nở môi cười  
 Nhị non chưa tỏa hương trời,  
 Một cơn gió táp rã-rời muôn phương !  
 Ngâm cuộc thê phu-phàng tựa gió  
 Hạnh-phúc kia chưa tự đà tan !  
 Đầu cảnh chim đậu hót khan  
 Khéo râu-rí tiếng cho tan-nát lòng...  
 Ngao-ngán nhẽ hóa-công sao. nở  
 Bắt đời hoa sớm nở rồi tàn !  
 Hỏi hoa trong chốn không-gian  
 Có chẳng coi đất hoa tàn lại tươi ?  
 Càng nhắc lại khắc vui ngày cũ,  
 Càng khiển người ngậm thở ngùi than.  
 Mạch sâu lai-láng khôn hàn,  
 Lòng ta thồn-thức, hai hàng chau sa...



## ALFRED DE VIGNY

1797-1863

Sinh tại Loches, vốn giòng võ-tướng, làm sĩ-quan từ 1814 đến 1827 thì từ dịch. Tác-giả tập Poèmes (thi-ca) 1822 và tập Destinées (vận-mệnh) tập này ra đời sau khi ông mất.

Alfred de Vigny là một nhà thơ trọng triết-lý, lại yêm-thê. Bài La mort du loup dịch sau đây cho ta thấy tâm-hồn khẳng-khai của ông.

Ngoài thi phẩm, Alfred de Vigny còn là tác-giả :

- Servitude et grandeur militaires (bút ký :  
Vinh nhục nhà binh) ;
- Cinq mars (tiểu-thuyết) ;
- Chatterton (kịch).

### LA MORT DU LOUP

Le loup vient et s'assied, les deux jambes dressées,  
 Par leurs ongles crochus dans le sable enfoncées.  
 Il s'est jugé perdu, puisqu'il était surpris,  
 Sa retraite coupée et tous ses chemins pris ;  
 Alors, il a saisi, dans sa gueule brûlante,  
 Du chien le plus hardi la gorge pantelante,  
 Et n'a pas desserré ses mâchoires de fer,  
 Malgré nos coups de feu qui traversaient sa chair,  
 Et nos couteaux aigus qui, comme des tenailles,  
 Se croisaient en plongeant dans ses larges entrailles,  
 Jusqu'au dernier moment où le chien étranglé,  
 Mort longtemps avant lui, sous ses pieds a roulé.  
 Le loup le quitte alors et puis il nous regarde,  
 Les couteaux lui restaient au flanc jusqu'à la garde.  
 Le clouaient au gazon tout baigné de son sang ;  
 Nos fusils l'entouraient en sinistre croissant.  
 Il nous regarde encore, ensuite il se recouche,  
 Tout en léchant le sang répandu sur sa bouche,  
 Et, sans daigner savoir comment il a péri,  
 Refermant ses grands yeux, meurt sans jeter un cri...

### CÁI CHẾT CỦA CON CHÓ SÓI

... Chỗng hai cẳng, vuốt cong gù đất,

Sói tối ngồi, đã biết thế nguy :

Bất-thần bị hám trùng vi,

Đường nào cũng nghẽn, mong gì thoát thân !

Chọn trong đám chó săn vây bủa,

Ngoạm cổ con hùng-hồ nhặt đàn.

Quai hàm, sắt kẹp nóng ran,

Mặc cho súng đạn bắn xuyên qua mình.

Mặc dao sắc, như kìm vào ruột,

Mãi đến cùng, chó tuột dưới chân :

Từ lâu, chó đã chết nhăn,

Buông mồi, sói hướng tay săn ngang đầu :

Dao còn cầm ngập sâu lút cán,

Đứng chôn chân giữa đám máu loang.

Súng vây bắn-nguyệt một hàng,

Sói nhìn, trên bãi cổ hoang phục mình.

Liết met máu trên vanhe mép dò,

Chẳng thèm suy đến cớ vong thân.

Trùng-trùng, đôi mắt khép dần,

Rồi không một tiếng, cõi trần trút hơi...

Hélas ! ai-je pensé, malgré ce grand nom d'Hommes,  
 Que j'ai honte de nous, débiles que nous sommes !  
 Comment on doit quitter la vie et tous ses maux,  
 C'est vous qui le savez, sublimes animaux !  
 A voir ce que l'on fut sur terre et ce qu'on laisse,  
 Seul le silence est grand ; tout le reste est faiblesse.  
 — Ah ! je t'ai bien compris, sauvage voyageur.  
 Et ton dernier regard m'est allé jusqu'au cœur !  
 Il disait : « Si tu peux, fais que ton âme arrive,  
 A force de rester studieuse et pensive,  
 Jusqu'à ce haut degré de stoïque fierté  
 Où, naissant dans les bois, j'ai tout d'abord monté.  
 Gémir, pleurer, prier, est également lâche.  
 Fais énergiquement ta longue et lourde tâche  
 Dans la voie où le sort a voulu t'appeler,  
 Puis, après, comme moi, souffre et meurs sans parler ».

(Les Destinées)

Đã mang tiếng giống Người cao-cả,  
 Bạc-nhược thay, nghĩ hổ cho mình.  
 Lạc vào tục-lụy phù-sinh,  
 Chết sao cho đáng : sói rành hơn ta !  
 Trong kiếp sống ti-toe được mấy,  
 Đã ván thiên, để lại nhường bao ?  
 Nín-thinh, còn khá tự-hào,  
 Hé răng than-vân là đều non gan.  
 Hồi dã-thú, cùng trên cõi-tam,  
 Người nhìn ta, ta cảm-thông rồi.  
 Mắt nhìn như nhẫn đói lời :  
 « Siêng-năng suy-ngâm, sống đời hiên ngang !  
 « Như ta đây sinh trong rừng tía,  
 « Chịu ám-thầm luyện chí cho bền.  
 « Van-lợn, rên khóc, đều hèn,  
 « Đường xa, gánh nặng, phải nén tự-cường.  
 « Theo định-mệnh, trọn đường duyên-nghiệp  
 « Rời nghe ta, dành kiếp thương đau,  
 « Lìa đời, chẳng nói một câu... »



*(Rodin Khắc)*

## VICTOR HUGO

1802-1885

Đại văn-hào Pháp, sáng-tác rất nhiều tập thơ, tiểu-thuyết, và kịch, tiêu-biểu cho văn phái Romantiques. Như một cây đàn muôn điệu, thơ văn của Victor Hugo rất phong phú, dồi dào.

Tác-giả đã có một địa-vị quan-trọng nhất trong văn giới Pháp, thế-kỷ 19. Sinh tại Besançon năm 1802, mất tại Paris 22-5-1885, quốc tang vào Panthéon, nơi lưu giữ di hài các vĩ-nhân nước Pháp.

## LE SEMEUR

C'est le moment crépusculaire.  
 J'admire, assis sous un portail,  
 Ce reste de jour dont s'éclaire  
 La dernière heure du travail.

Dans les terres de nuit baignées,  
 Je contemple, ému, les haillons  
 D'un vieillard qui jette à poignées  
 La moisson future aux sillons.

Sa haute silhouette noire  
 Domine les profonds labours.  
 On sent à quel point il doit croire  
 A la fuite utile des jours.

Il marche dans la plaine immense,  
 Va, vient, lance la graine au loin,  
 Rouvre sa main et recommence.  
 Et je médite, obscur témoin,

Pendant que, déployant ses voiles,  
 L'ombre, où se mêle une rumeur,  
 Semble élargir jusqu'aux étoiles  
 Le geste auguste du semeur.

## NGƯỜI GIEO MÀ

*Thu-không đã sắp đồ hôi,  
Cồng ngoài, ngồi ngắm cảnh trời hoàng-hôn.  
Nồng-phu gắng sức làm dồn,  
Cho xong vất-vả, về còn nghỉ-ngơi.*

*Bóng đêm tỏa xuống mọi nơi,  
Luống cày một lão tảo gieo mầm.  
Lòng ta xúc-động khôn cầm :  
Tuổi già, tay vẫn cố chầm mùa-màng.*

*Trông xa, tâm vóc xương-xương,  
Nhô lên, át hẳn cánh nương mới cày.  
Nhường như tin-tưởng xưa rày :  
Mỗi ngày qua, mỗi gần ngày phong-đăng.*

*Bao-la một cánh đồng-bằng,  
Đi đi, lại lại, trông chừng ném xa,  
Nấm rồi, tay lại xòe ra.  
Trầm-tư, riêng một mình ta lặng nhìn :*

*Màn đêm mở cánh u-huyền,  
Gió đưa có tiếng vẳng lên rì-rào.  
Uy-nghi thay cánh tay gieo,  
Bóng như đưa vút lên cao ngắt trời !*

### A UNE MARIÉE

Aime celui qui t'aime et sois heureuse en lui,  
Adieu, sois son trésor, ô toi qui fus le nôtre.  
Va, mon enfant bénie, d'une famille à l'autre,  
Emporte le bonheur et laisse-nous l'ennui.

Ici l'on te retient, là-bas l'on te désire,  
Fille, épouse, ange enfant, fais ton double devoir.  
Donne-nous un regret, donne-leur un espoir,  
Sors avec une larme, entre avec un sourire.

## GỬI CÔ DÂU MỚI

*Đáp lòng yêu tân-lang,  
Hạnh-phúc cùng chia-xẻ.  
Con đến chốn người thương  
Như ở đây ta quý.*

*Bước sang thềm nhà chồng  
Con cho người hoan-hỉ.  
Ở nhà ta ra đi,  
Uu-tur, con luồng đê.*

*Nhà ta giữ con lại,  
Nhà người đứng trông chờ.  
Đây, làm con làm vợ,  
Đây, thiên-thần, trẻ thơ :  
Con ơi, nhớ bôn-phận,  
Đối vai chó hưng-hờ...*

*Cho ta chút luyến tiếc,  
Cho người một ước mong.  
Ra đi tuôn giọt lệ,  
Sang đó nở môi hồng...*

**APRÈS LA BATAILLE**

Mon père, ce héros au sourire si doux  
 Suivi d'un seul housard qu'il aimait entre tous  
 Pour sa grande bravoure et pour sa haute taille,  
 Parcourait à cheval, le soir d'une bataille,  
 Le champ couvert de morts sur qui tombait la nuit.

Il lui sembla dans l'ombre entendre un faible bruit.  
 C'était un Espagnol de l'armée en déroute,  
 Qui se traînait sanglant sur le bord de la route,  
 Râlant, brisé, livide, et mort plus qu'à moitié,  
 Et qui disait : « A boire, à boire, par pitié ! »  
 Mon père ému, tendait à son housard fidèle  
 Une gourde de rhum qui pendait à sa selle,  
 Et dit : « Tiens, donne à boire à ce pauvre blessé ».  
 Tout à coup, au moment où le housard baissé  
 Se penchait vers lui, l'homme, une espèce de Maure,  
 Saisit un pistolet qu'il étreignait encore  
 Et vise au front mon père en criant : « Caramba ! »  
 Le coup passa si près que le chapeau tomba  
 Et que le cheval fit un écart en arrière,  
 « Donne-lui tout de même à boire », dit mon père.

## SAU CUỘC CHIÈN-ĐÀU

*Người anh-hùng có nụ cười bao hiền-hậu,  
 Phụ-thân tôi, sau cuộc đấu lúc ban ngày,  
 Chiều rong cương qua bãi chiến xác phơi đầy,  
 Một khinh-ky được đặc sai theo hầu-hạ  
 Vì người dũng cao lại gan-dạ có thừa.*

*Trong bóng tối nghe như có tiếng rên hờ :  
 Một lính Tây trong toán quân vừa chiến-bại,  
 Máu đầy mình, đang oằn-oại mé đường quai,  
 Mặt tái xanh, thở hồn-hồn như đứt hơi,  
 Nặc lèn : « Khát quá, xin cứu tôi làm phúc ! »  
 Phụ-thân tôi cảm-xúc, trao lại tùy viên  
 Bàu rượu mạnh thường đeo săn gối bên yên,  
 Và bảo : « Nay, cho anh quyền cầm lấy uống »  
 Khi khinh-ky vừa cúi xuống, bắt thình lính  
 Tên mọi kia, rút cây súng giấu trong mình  
 Nhầm phụ-thân chia bắn nhanh ngay giữa mặt  
 Và hét : « Giết ! » Đạn một phát nổ kêu dong  
 Bay sát nút, khiến chiếc mũ rớt trên đường,  
 Ngựa hoảng-kinh vội nhảy choàng lui trở xuống  
 Phụ-thân nói : « Cung cho nó uống, nghe con ! »*

### L'ENFANT

Lorsque l'enfant paraît, le cercle de famille  
 Applaudit à grands cris. Son doux regard qui brille  
     Fait briller tous les yeux.  
 Et les plus tristes fronts, les plus souillés peut-être,  
 Se dérident soudain à voir l'enfant paraître  
     Innocent et joyeux.

Soit que juin ait verdi mon seuil, ou que novembre  
 Fasse autour d'un grand feu vacillant dans la chambre.  
     Les chaises se toucher,  
 Quand l'enfant vient, la joie arrive et nous éclaire,  
 On rit, on se récrie, on l'appelle, et sa mère  
     Tremble à le voir marcher.

Quelquefois nous parlons, en remuant la flamme,  
 De patrie et de Dieu, des poètes, de l'âme  
     Qui s'élève en priant ;  
 L'enfant paraît, adieu le ciel et la patrie  
 Et les poètes saints ! la grave causerie  
     S'arrête en souriant.

### KHI TRẺ THƠ LÓ MẶT

*Khi trẻ thơ mới vừa ló mặt,*

*Cả gia đình đều cất tiếng reo.*

*Long-lanh ánh mắt trong veo*

*Khiển cho muôn mắt bừng theo vui mừng.*

*Những khuôn mặt bi thương, dày-dặn,*

*Thay hài-nhi cũng rạng ra ngay.*

*Tâm hồn vô-nhiêm thơ ngây,*

*Đem niềm sinh-thú rải đầy bốn bên.*

*Trời đang xuân, ngoài thêm xanh cỏ ;*

*Mùa giá đông, ghê tởm bên lò.*

*Nỗi mừng đến với trẻ thơ,*

*Kẻ cười người nói, gọi thưa tưng-bừng.*

*Bà mẹ nhìn con đương chập-chững,*

*Sợ ngã đau, luống những âu-lo...*

*Đôi khi còi cùi trong lò,*

*Luận bàn thi-phú, mơ-hồ thần-linh.*

*Mải nghĩ chuyện cao-minh thanh-thoát,*

*Thay hài-nhi cũng bắt đi liền :*

*Quê hương, trời đất, thánh-hiền,*

*Dẹp đi hết cả, nhìn lên mỉm cười !*

La nuit, quand l'homme dort, quand l'esprit rêve, à  
 [l'heure

Où l'on entend gémir, comme une voix qui pleure,

L'onde entre les roseaux,

Si l'aube tout à coup là-bas luit comme un phare,

Sa clarté dans les champs éveille une fanfare

De cloches et d'oiseaux !

Enfant, vous êtes l'aube et mon âme est la plaine

Qui des plus douces fleurs embaume son haleine

Quand vous la respirez ;

Mon âme est la forêt dont les sombres ramures

S'emplissent pour vous seul de suaves murmures

Et de rayons dorés.

Car vos beaux yeux sont pleins de douceurs infinies,

Car vos petites mains, joyeuses et bénies,

N'ont point mal fait encor ;

Jamais vos jeunes pas n'ont touché notre fange.

Tête sacrée ! enfant aux cheveux blonds, bel ange

A l'auréole d'or !...

Trong giấc điệp, chơi-vơi thoát tục,  
 Suối rỉ-rên như khóc bên lau,  
 Bình-mình chói sáng bỗng đâu,  
 Vời trông như ánh tảo đâu hải-đăng.  
 Chuông đồ hồi khua vang đồng nội,  
 Chim hát ca như dội nhạc lòng.

Các con là buổi rạng đông,  
 Lòng ta như thề cánh đồng hoa thơm.  
 Lòng ta tựa rừng um bóng cỏ,  
 Vì con mà óng-ả du-duơng.

Mắt con bao xiết dịu-dàng,  
 Tay con nhô-nhắn gầy thương chưa từng  
 Chân bước nhẹ, chưa vương bùn bẩn,  
 Đầu hoe vàng như đặng thiên-thần.

Il est beau, l'enfant, avec son doux sourire,  
 Sa douce bonne foi, sa voix qui veut tout dire,  
 Ses pleurs vite apaisés,  
 Laissant errer sa vue étonnée et ravie,  
 Offrant de toutes parts sa jeune âme à la vie  
 Et sa bouche aux baisers !

Seigneurs, préservez-moi, préservez ceux que j'aime,  
 Frères, parents, amis, et mes ennemis même  
 Dans le mal triomphants,  
 De jamais voir, Seigneur, l'été sans fleurs vermeilles,  
 La cage sans oiseaux, la ruche sans abeilles,  
 La maison sans enfants !

*(Feuilles d'Automne)*

Xinh thay là nụ cười xuân,  
 Bi-bô miệng sữa như phân tặc thành.  
 Hòn giỏi cũng dỗ-dành mau nín,  
 Mắt ngây-thơ dâng hiến cho đời  
 Tâm-hồn trong-trẻo vui tươi.  
 Đôi môi áu-yém như mồi mến thương.

Những ai ta yêu-đương kính-nể,  
 Cả kẻ thù ngạo-nghê bạo-cường,  
 Lạy trời, đừng bắt thê-lương :  
 Hè không hoa thăm huy-hoàng đâm bông,  
 Tồ không ong, lồng không chim nhảy,  
 Nhà vắng tanh không thấy trẻ thơ  
 Tung-tăng cười rộn nô đùa...



Thiếu-phụ (Picasso họa)

## FÉLIX ARVERS

1806-1850

Sinh tại Paris, tác-giả tập thơ « Mes heures perdues », nhưng ít người biết đến, sau nổi danh chỉ do một bài thơ-luật dưới đây ngẫu hứng để trong một cuốn « lưu niệm » của một vị giai-nhân, tả một mồi tình thành kính bằng lời văn thâm-thía và điêu-luyện. Antoine Albalat ché bài thơ này ở chỗ trùng điệp ba lần động-từ « fait ».

## SONNET

Mon âme a son secret, ma vie a son mystère ;  
 Un amour éternel en un instant conçu.  
 Le mal est sans espoir, aussi j'ai dû le taire  
 Mais celle qui l'a fait n'en a jamais rien su.

Hélas ! j'aurais passé près d'elle inaperçu  
 Toujours à ses côtés et pourtant solitaire,  
 Et j'aurais jusqu'au bout fait mon temps sur la terre  
 N'osant rien demander et n'ayant rien reçu.

Pour elle, quoique Dieu l'ait faite douce et tendre  
 Elle ira son chemin, distraite et sans entendre  
 Ce murmure d'amour élevé sur ses pas.

A l'austère devoir, pieusement fidèle  
 Elle dira en lisant ces vers tout remplis d'elle :  
 « Quelle est donc cette femme ? » et ne comprendra pas.

## TÌNH TUYỆT VỌNG

Nỗi lòng kín chẳng ai hay,  
 Mỗi duyên ấp-ủ từ ngày gặp nhau.  
 Gặp nhau một khắc tưởng đâu  
 Khôi tình như đã kết sâu ngàn đời !  
 Nghiệp này khôn thoát được rồi :  
 Một mình mình biết, ngỏ lời cùng ai ?  
 Mà ai cũng chẳng đoái-hoài,  
 Vì ai, ai thấu nỗi ai đau lòng !

Tưởng rằng gần-gui chõc-mòng  
 Vẫn trong gang tấc, mà lòng cô-liêu...  
 Không xin, cũng chẳng được chiều  
 Chiếc thân lặng-lẽ rời theo đường đời...

Nàng thì hiền-dịu tính trời  
 Thờ-ơ, đâu nghĩ đến lời yêu-đương !  
 Đi về, giữ mực doan-trang,  
 Vô-tình gieo-lụy trên trường ái-ân.

Thơ này riêng tặng giai-nhân,  
 Mà giai-nhân lại mười phân hững-hờ,  
 Hỏi rằng : « Người đẹp trong thơ,  
 Là ai thèn nhỉ ? » đâu ngờ là ai...



## ALFRED DE MUSSET

1810-1857

Sinh tại Paris, gia-đình quý-tộc, sống cuộc đời phóng túng. Sóng gió vì ái-tình, đã để lại những tập thơ tình tuyệt-diệu như 4 bài *Les Nuits*. Đoạn *Le Pélican* trích ở *Nuit de Mai*. Ngoài các tập thơ *Premières Poésies*, *Poésies Nouvelles*, tác-giả còn viết nhiều vở kịch và một tập bút ký *Confession d'un enfant du siècle*.

### TRISTESSE

J'ai perdu ma force et ma vie,  
 Et mes amis et ma gaieté ;  
 J'ai perdu jusqu'à la fierté  
 Qui faisait croire à mon génie.

Quand j'ai connu la Vérité,  
 J'ai cru que c'était une amie,  
 Quand je l'ai comprise et sentie,  
 J'en étais déjà dégoûté.

Et pourtant elle est éternelle :  
 Et ceux qui se sont passés d'elle  
 Ici-bas ont tout ignoré.

Dieu parle, il faut qu'on lui réponde,  
 Le seul bien qui me reste au monde  
 Est d'avoir quelquefois pleuré.

## SÂU MUỘN

Còn đâu là sức trai,  
 Còn đâu là cuộc đời,  
 Còn đâu là bạn chơi,  
 Còn đâu là vui cười ?  
 Mắt cả đèn ngao-nghê  
 Cho ta là thiên-tài...

Khi biết được chân-lý,  
 Càng tưởng là thanh-khí ;  
 Ngờ đâu giác-ngộ rồi,  
 Lại ngán luôn mùi-vị.

Vậy mà chơi được đâu,  
 Chân-lý vẫn ngàn thâu.  
 Ai không hay biết tối,  
 Sao hiểu đời nồng-sâu !

Trời đã ngỏ chân-lý,  
 Xúc cảm ta đáp lời.  
 Đời ta còn chút đó :  
 Đôi lần giọt lệ rơi...

### LE PÉLICAN

Quel que soit le souci que ta jeunesse endure,  
 Laisse-la s'élargir, cette sainte blessure  
 Que les noirs séraphins t'ont faite au fond du cœur ;  
 Rien ne nous rend si grands qu'une grande douleur.  
 Mais pour en être atteint, ne crois pas, ô poète,  
 Que ta voix ici-bas doive rester muette.  
 Les plus désespérés sont les chants les plus beaux,  
 Et j'en sais d'immortels qui sont de purs sanglots.

Lorsque le pélican, lassé d'un long voyage,  
 Dans les brouillards du soir retourne à ses roseaux,  
 Ses petits affamés courrent sur le rivage,  
 En le voyant au loin s'abattre sur les eaux.

Déjà croyant saisir et partager leur proie,  
 Ils courrent à leur père avec des cris de joie  
 En secouant leurs becs sur leurs goîtres hideux.  
 Lui, gagnant à pas lents une roche élevée,  
 De son aile pendante abritant sa couvée,  
 Pêcheur mélancolique, il regarde les cieux.

## CHIM ĐƯỜNG-NGA

Tuổi thanh-xuân phiền-lo dẫu mây  
 Bị hung-tinh xô-dẩy đến đâu,  
 Thương lòng, nên đê ăn sâu,  
 Càng dây đoạn khôle, càng cao phảm người  
 Nỗi đau-dớn chó hoài cảm-nín,  
 Thi-nhân ơi! cứ diễn nêu lời :  
 Lời càng thồn-thức u-hoài  
 Lại càng tuyệt-diệu muôn đòi cảm-thương.  
  
 Chim đường-nга dặm trường bay mỏi, (1)  
 Dặm sương chiều trở lại ngàn lau.  
 Vừa sà mặt nước bơi vào,  
 Đàn con trên bãi nhao-nhao đón mừng :  
  
 Con đương đối trường chùng thãy bõ,  
 Là có ngay một cỗ no-nê,  
 Lắc lư diều mỏ coi ghê  
 Riu-ra riu-rit, dã-dẽ xôn-xao.  
 Bõ lân bước móm cao đứng-đỉnh  
 Ôm đàn con, thông cánh não-nùng  
 Ngẳng nhìn trời thẳm mênh-mông,  
 Cái thân câu chõ, đi không, về rồi !

Le sang coule à longs flots de sa poitrine ouverte.  
 En vain il a des mers fouillé la profondeur :  
 L'Océan était vide et la plage déserte ;  
 Pour toute nourriture il apporte son cœur.

Sombre et silencieux, étendu sur la pierre,  
 Partageant à ses fils ses entrailles de père,  
 Dans son amour sublime il berce sa douleur,  
 Et, regardant couler sa sanglante mamelle,  
 Sur son festin de mort il s'affaisse et chancelle,  
 Ivre de volupté, de tendresse et d'horreur.

Mais parfois, au milieu du divin sacrifice,  
 Fatigué de mourir dans un trop long supplice,  
 Il craint que ses enfants ne le laissent vivant ;  
 Alors, il se soulève, ouvre son aile au vent,  
 Et, se frappant le cœur avec un cri sauvage,  
 Il pousse dans la nuit un si funèbre adieu  
 Que les oiseaux des mers désertent le rivage,  
 Et que le voyageur attardé sur la plage,  
 Seûtant passer la mort, se recommande à Dieu.

Cầu thủng ngực tả-torz máu chảy  
Đã uồng công mò đáy trùng-dương.  
Trùng-dương trông rõng thê-lương,  
Mỗi trên bãi cát lại càng vắng tanh.

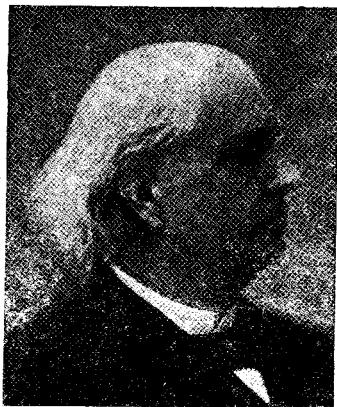
Trên mõm đá áu đành lặng-lẽ  
Đem bộ lòng chia sẻ cho con.  
Nỗi đau dứt ruột từng cơn,  
Tình thương cao-cả ru hồn cho khuây  
Nhìn máu đồ ngắt say ghê-sợ  
Lòng yêu-thương chan-chứa vì con

Đương khi chịu cực đâ chồn  
Hi sinh đã mệt mà còn ngắc-ngứ,  
Lại sợ con không cho chết rảnh,  
Vùng đứng lên, đôi cánh xòe ra  
Đập tim tan-nát đâm-đìa  
Tiếng kêu vĩnh-biệt thảm-thê đêm truờng...  
Khiển hải-diều kinh-hoàng rời bãi,  
Khách bộ-hành chậm lại đường khuya,  
Rợn mình từ-khi lướt qua  
Vội-vàng làm dấu trù tà cầu an.

Poète, c'est ainsi que font les grands poètes.  
Ils laissent s'égayer ceux qui vivent un temps ;  
Mais les festins humains qu'ils servent à leurs fêtes  
Ressemblent la plupart à ceux des pélicans.  
Quand ils parlent ainsi d'espérances trompées,  
De tristesse et d'oubli, d'amour et de malheur,  
Ce n'est pas un concert à dilater le cœur.  
Leurs déclamations sont comme des épées :  
Elles tracent dans l'air un cercle éblouissant,  
Mais il y pend toujours quelque goutte de sang.

Thi-nhân hối, cùng duyên-kiếp cả,  
 Khách vẫn-hào cũng tựa đường-nga.  
 Tiệc vui đem hiến người ta,  
 Khác gì bùa tiệc đường-nga : cõ lòng !  
 Khi tả nỗi ước mong chẳng thỏa,  
 Tả đời quên, hay tả thê-lương,  
 Tả đau-khổ, tả yêu-đương  
 Phải đâu hòa nhịp rộn-ràng mà chơi !  
 Ca vang-dội những lời màu-nhiệm,  
 Như vung lên lẵn kiềm sáng người :  
 Lẵn nào cũng róm máu tươi...

(1) Đường-nga : tên Hán-Việt của chim bồ-nông, giồng chim mìnhto mỏ dài, cổ có bìu để chứa cá là thức ăn chính. Đường-nga kiêmđược cá thì chứa vào trong bìu. Khi vẽ tó ép mỏ vào bìu để lấy cára cho con ăn. Thời cổ cho rằng đường-nga nuôi con bằng chính máucủa mình.



## **CHARLES MARIE LECONTE DE LISLE**

1818-1894

Sinh tại thành phô Saint Paul, đảo Réunion.

Trước khi sáng-tác thơ đã từng dịch cổ-văn Hy-lạp, như các tác-phẩm của Homère, Eschyle, Sophocle, Euripide; ông chịu những ảnh-hưởng đó, nên thi-văn của ông có tính-cách khái-quan, trọng vì hình-sắc, ít biểu-lộ cảm-tình, lời văn đanh thép. Một nhóm thi-sĩ đương thời tán-đồng quan-niệm, lập ra phái Tao-dàn (Parnasse) mà ông dẫn đầu.

Tác-giả các tập :

Poèmes antiques	1852
Poèmes barbares	1862
Poèmes tragiques	1884

Thi phái Tao-Đàn (Parnassiens) phản-ứng lại thái-độ của thi-phái lãng-mạn (Romantiques).

## LE SOIR D'UNE BATAILLE

Sous un large soleil d'été, de l'aube au soir,  
Sans relâche, fauchant les blés, brisant les vignes,  
Longs murs d'hommes, ils ont poussé leurs  
[sombres lignes,  
Et là, par blocs entiers, ils se sont laissés choir.

Puis, ils se sont liés en étreintes féroces,  
Le souffle au souffle uni, l'œil de haine chargé,  
Le fer d'un sang fiévreux à l'aise s'est gorgé ;  
La cervelle a jailli sous la lourdeur des crosses.

Victorieux, vaincus, fantassins, cavaliers  
Les voici maintenant, blêmes, muets, farouches,  
Les poings fermés, serrant les dents et les yeux louches,  
Dans la mort furieuse étendus par milliers.

La pluie, avec lenteur lavant leurs pâles faces,  
Aux pentes du terrain fait murmurer ses eaux ;  
Et par la morne plaine où tourne un vol d'oiseaux  
Le ciel d'un soir sinistre estompe au loin, leurs masses.

## CHIỀN-ĐỊA CHIẾU HÔM

*Nắng hè nung-nấu sớm chiều,  
 Đồng-diễn tàn-phá, ào-ào tiến lên,  
 Từng hàng chiến-sĩ xùm đen,  
 Cuốn như thác đồ trộn tiền giao-phong.*

*Một trường ác chiến thư hùng,  
 Miệng cùng thở dốc, mắt cũng hầm-he.  
 Luối gươm máu rõ đậm-đà,  
 Một tràng báng súng, óc lìa xám xanh.*

*Hơn thua, ai nhục ai vinh?  
 Bộ-quân lắn với kỵ-binh lia đời.  
 Cả nghìn xác chết nằm phơi,  
 Nghien răng, trợn mắt, không rời nắm tay.*

*Giọt mưa lắn rửa mặt-mày,  
 Dốc trên chảy xuồng gieo đầy oán-than.  
 Trời hôm mờ bóng dặm ngàn,  
 Đen sì, ác điều từng đàn lượn quanh.*

Tous les cris se sont tus, les râles sont poussés.  
 Sur le sol bossué de tant chair humaine,  
 Aux dernières heures du jour, on voit à peine  
 Se tordre vaguement des corps entrelacés ;  
  
 Et là-bas, du milieu de ce massacre immense,  
 Dressant son cou roidi, percé de coups de feu,  
 Un cheval jette au vent un rauque et triste adieu  
 Que la nuit fait courir à travers le silence.

Ô boucherie ! Ô soif du meurtre ! Acharnement  
 Horrible ! Odeur des morts qui suffoquent et navrent !  
 Soyez maudits devant ces cent mille cadavres  
 Et la stupide horreur de cet égorgement !

Mais sous l'ardent soleil ou sur la plaine noire,  
 Si, heurtant de leur cœur la gueule du canon,  
 Ils sont morts, Liberté, ces braves, en ton nom,  
 Béni soit le sang pur qui fume vers ta gloire.

Tiếng gào nay đã nín thinh,  
 Khò-khè hơi thở, gập-ghènh xác ma.  
 Mẩy thây quần-quai chiếu tà,  
 Ôm nhau dây chêt, cúng đờ nằm yên.

Đằng xa, ngựa bị đạn xuyên,  
 Nghèn đâu, còn cõ hí lên một tràng.  
 Tiếng nghe ai-oán bi-thương,  
 Gió đưa như xé đêm-trường vắng tanh.

Hơi ôi, thảm-họa chiến-tranh :  
 Một bùa tür-khí bao quanh nồng-nàn.  
 Vô-lý thay cuộc tương-tàn,  
 Vì đâu máu đỗ ai bàn ra cho ?

Nếu vì hai chữ Tự-Do,  
 Chẳng kinh họng súng, chẳng lo thân mình,  
 Hân-hoan tìm đến hy-sinh,  
 Là vì chính-nghĩa, đấu-tranh hào-hùng,  
 Thanh-cao thay giọt máu hồng,  
 Bốc hơi tỏa đến muôn trùng vinh-quang !



Grandclau

## CHARLES BAUDELAIRE

1821-1867

Sống đồng-thời với Leconte de Lisle, Charles Baudelaire, chủ-trương một lối thơ du-duong như điệu nhạc, không gò bó trong mực thước, tả những tâm-trạng u-uất, những cảm-xúc quái-gói của tâm-hồn, như vậy khác hẳn chủ-trương của Leconte de Lisle.

Về thi-ca, đã sáng-tác tập Fleurs du Mal (Ác Hoa). Tập thơ này bị tòa án xử phạt vì có nhiều bài «sông-sương» phạm thuần-phong mỹ-tục. Tuy nhiên tập thơ đó đã có ảnh-hưởng rất sâu đậm và đã tạo nên một thi-phái mới: «Phái tượng-trùng» (Symbolistes).

Baudelaire còn là tác-giả tập Poèmes en prose (thơ văn xuôi) và đã dịch các sách của Edgar Poe, một văn-sĩ Mỹ chuyên viết chuyện kỳ lạ.

### L'HORLOGE

Horloge ! dieu sinistre, effrayant, impassible,  
 Dont le doigt nous menace et nous dit : « Souviens-toi !  
 Les vibrantes Douleurs dans ton cœur plein d'effroi  
 Se planteront bientôt comme dans une cible ;

Le Plaisir vaporeux fuit vers l'horizon  
 Ainsi qu'une sylphide au fond de la coulisse ;  
 Chaque instant te dévore un morceau du délice  
 A chaque homme accordé pour toute sa saison.

Trois mille six cents fois par heure, la Seconde  
 Chuchote : Souviens-toi ! — Rapide avec sa voix  
 D'insecte, Maintenant dit : Je suis Autrefois,  
 Et j'ai pompé ta vie avec ma trompe immonde !

ĐÔNG-HỒ

*Dōng-hô, vì hung-thân góm-ghê, lì-lợm,  
Gieo kinh-hoàng, như trỏ tay dọa-dâm :  
« Hãy nhớ đi : bao đau-khổ làm rung-cảm hãi-hùng  
Đều là mũi tên sấp cắm pháp giữa tim hòng...*

Vui-thỏa như bóng hơi sắp lấn chán trời mênh-mông  
xa vắng,  
Minh-tinh vào hậu-trường, còn đâu là chói rạng!  
Phút giây nghiên-ngẫu từ mảnh vụn không nè,  
Mà suốt một mùa duyên-nghiệp nào được bao chút  
hả-hê!

Mỗi giờ ba ngàn sáu trăm giấy, đều-dặn  
Chẳng giấy nào không thử-thăm cẩn-dặn :  
Đã nghe Hiện-Tại nói chưa — gồm, eo-óc như tiếng  
côn-trùng —  
Rằng : Ta là Quá-Khứ rồi, còn chi nữa mà mong :  
Tim óc người, ta đã hút trong vòi do-dáy.

Remember ! Souviens-toi, prodigue ! Esto memor !  
(Mon gosier de métal parle toutes les langues).  
Les minutes, mortel folâtre, sont des gangues  
Qu'il ne faut pas lâcher sans en extraire l'or !

Souviens-toi que le Temps est un joueur avide  
Qui gagne sans tricher, à tout coup ! c'est la loi,  
Le jour décroît ; la nuit augmente : souviens-toi !  
Le gouffre a toujours soif ; la clepsydre se vide.

Tantôt sonnera l'heure où le divin Hasard  
Où l'auguste Vertu, ton épouse encor vierge,  
Où le Repentir même, oh ! la dernière auberge !  
Où tout te dira : Meurs, vieux lâche ! il est trop tard ! »

*Remember ! Esto memor !* Này kẻ hoang-toàng nhớ lấy  
 (Hồng thép gang, ta ngân hết thảy ngũ-âm)  
*Hối thiểu-nhân, người sống được bao lăm*  
*Mà nhớn-nhơ lâng-phí tháng năm, sao chẳng nhớ :*  
*Mỗi phút là khôi quặng phải dang tay ghè vỡ*  
*Moi lấy vàng rồi có bỏ mới đành cam.*

Nhớ lại đi, thời-gian là con bạc tham-lam,  
 Thắng mọi ván mà chẳng thèm gian-giảo.  
 Ngày dân tàn, đêm càng tối, chó quên lời ta bảo :  
 Vực sâu còn khát máu, khi khắc lậu canh tà...

*Rồi chẳng bao lâu, sự Tình-Cờ thần-diệu hiện ra*  
*Đức-Hạnh như vợ kê bên nguyên-trinh chưa phạm tội*  
*Hối-Hận nứa, chỉ là nơi quán cơm nằm chặng cuối*  
*Tất cả đều nhiec ta : sao chẳng chết đi liền ?*  
*Muộn quá rồi sao chưa chết, hử quân hèn ! »*

## UN MORT JOYEUX

Dans une terre grasse et pleine d'escargots  
 Je veux creuser moi-même une fosse profonde,  
 Où je puisse à loisir étaler mes vieux os  
 Et dormir dans l'oubli comme un requin dans l'onde.

Je hais les testaments et je hais les tombeaux ;  
 Plutôt que d'implorer une larme du monde,  
 Vivant, j'aimerais mieux inviter les corbeaux,  
 A saigner tous les bouts de ma carcasse immonde.

O vers ! noirs compagnons sans oreilles et sans yeux,  
 Voyez venir à vous un mort libre et joyeux ;  
 Philosophes viveurs, fils de la pourriture,

A travers ma ruine allez donc sans remords,  
 Et dites-moi s'il est encor quelque torture  
 Pour ce vieux corps sans âme et mort parmi les morts.

## CHÈT TUƠI

Trên mảnh đất sên bò nhầy-nhua,  
 Tự tay mình đào hố cho sâu,  
 Để khi vào giấc ngàn thâu  
 Nằm xương tàn-tạ mặc-dầu thành-thoi !  
 Như cá mập ngủ hoài đáy biển,  
 Vào lăng quên, xá quản chi đời  
  
 Cần gì di-chúc cho ai  
 Cần gì xây mộ, một vùi là xong !  
 Thân đã chết, còn hòng chi nhỉ  
 Mà van xin giọt lệ thê-gian !  
  
 Thà rằng trong lúc sinh-tiền  
 Hình-hài xú-uế ngang-nhiên phô-bầy  
 Cho lũ qua rút day cắn-cấu  
 Từng mảnh con róm máu tanh-hôi  
  
 Hối giờ không mắt không tai  
 Đen-sì, nhung-nhúc, bạn đời của ta :  
 Đã thấy chửa, thấy ma đây nhé  
 Ta là ma vui-vẻ ung-dung.  
  
 Nay thôi, đạo-đức mây ống  
 Say-sura, phè-phờn, mà lòng thối-tha :  
  
 Đây một mó thịt da bày săn  
 Ăn-năn chi, đánh nhăn cho ngon !  
 Ta là cái xác không hồn  
 Nằm trong đống xác, lại còn hành chi !

### L'ENNEMI

Ma jeunesse ne fut qu'un ténébreux orage,  
 Traversé ça et là par de brillante soleils.  
 Le tonnerre et la pluie ont fait un tel ravage  
 Qu'il reste en mon jardin bien peu de fruits vermeils.

Voilà que j'ai touché l'automne des idées,  
 Et qu'il faut employer la pelle et les râteaux  
 Pour rassembler à neuf les terres inondées  
 Où l'eau creuse des trous grands comme des tombeaux.

Et qui sait si les nouvelles fleurs que je rêve  
 Trouveront dans ce sol lavé comme une grève  
 Le mystique aliment qui ferait leur vigueur ?

— O douleur ! ô douleur ! Le Temps mange la vie,  
 Et l'obscur Ennemi qui nous ronge le cœur  
 Du sang que nous perdons croît et se fortifie.

## KẺ THÙ

Cả một thời xuân bão ngùt trời  
 Đó đây loáng-thoáng nắng vàng soi.  
 Mưa dội sét dập tan-hoang cả,  
 Vườn cũ còn bao trái thắm tươi !

Thu-tứ giờ đây đã chớm rồi,  
 Ra công cuốc xới đê tài-bồi,  
 Đê san mồi lại vườn mưa xối  
 Thành hổ to như huyết táng người.

Biết đâu hoa mồi vẫn hằng mong,  
 Trên đất phôi-phá tựa cát sông  
 Nhờ chất nhiệm-màu không rạng-rỡ ?

Năm tháng ngắn đời nghỉ mà đau !  
 Chán-nản, gậm tim như kẻ thù  
 Uống máu của ta thêm nảy-nở...



## SULLY-PRUDHOMME

Sinh tại Paris, mất tại Chatenay. Đời sống bình thản; từng theo học chuyên môn, sau học luật rồi chuyển thành văn-sĩ, thi-sĩ. Sáng-tác :

- thơ văn về tâm-tình : Stances, 1865 —  
Les épreuves, 1866 — Les solitudes, 1869,  
les Vaines tendresses, 1875,
- thơ văn về triết-lý và khoa-học : La justice, 1878, le Prisme, 1886, le Bonheur, 1888, v.v...

Bằng một lối văn rất khúc triết trong trẻo, Sully Prudhomme phân tách những cảm giác tê-nhị của tâm-tình, hoặc diễn tả những cao vọng của trí-tuệ.

### LE VASE BRISÉ

Le vase où meurt cette verveine  
 D'un coup d'éventail fut fêlé ;  
 Le coup dut l'effleurer à peine,  
 Aucun bruit ne l'a révélé.

Mais la légère meurtrissure,  
 Mordant le cristal chaque jour,  
 D'une marche invisible et sûre  
 En a fait lentement le tour.

Son eau fraîche a fui goutte à goutte,  
 Le suc des fleurs s'est épuisé ;  
 Personne encore ne s'en doute :  
 N'y touchez pas, il est brisé.

Souvent aussi la main qu'on aime,  
 Effleurant le cœur, le meurtrit ;  
 Puis le cœur se fend de lui-même,  
 La fleur de son amour périt.

Toujours intact au yeux du monde,  
 Il sent croître et pleurer tout bas  
 Sa blessure fine et profonde :  
 Il est brisé, n'y touchez pas.

## BÌNH VỐ

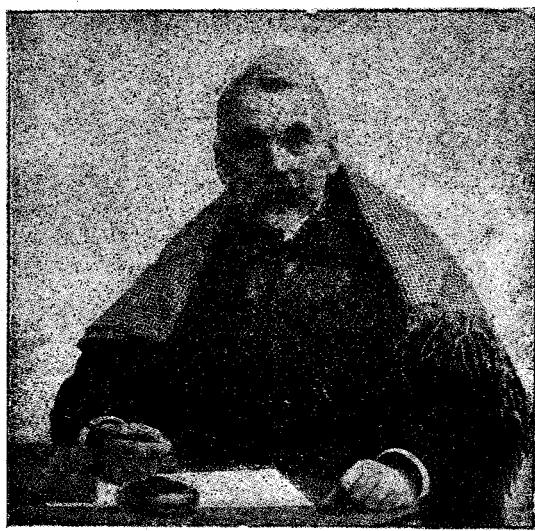
Mã-tiên cành héo khô  
 Bình nứt tự bao giờ.  
 Từ khi quạt chạm phải  
 Khẽ thõi, mà ai ngờ...

Vết thương dù li ti  
 Ngày ngày nhăm pha lê  
 Âm-thầm mà róng-riết  
 Chạm-chạm lan vòng đi...

Giọt giọt rỉ ra ngoài,  
 Nhựa hoa kiệt, kiệt hoài  
 Nỗi-niềm ai có thấu :  
 Coi chừng, bình vỡ rồi !

Đòi phen bàn tay Ai  
 Lướt tim làm rá-rời  
 Con tim tự nứt rạn  
 Hoa tình dân tả tội

Mắt trân trổng chưa can  
 Riêng tim thâm khóc than  
 Vết rạn sâu lớn mãi :  
 Vỡ rồi, đừng mon-man...



## STEPHANE MALLARMÉ

1842-1898

Trong văn-đàn Pháp, Stephane Mallarmé là thi-bá phái tượng-trưng. Sinh tại Paris, sống đời giản-dị, đem tâm-hồn phục-vụ tinh-túy của Thơ, lấy nguồn gốc ở cảm-xúc và lý-trí, trái với lối hành văn của các thi-gia phái Parnasse (tao-đàn) thường chú trọng đến lời văn điêu-luyện.

Bài *Brise Marine* (gió khơi) cho ta thấy tâm trạng phóng-khoáng của thi-sĩ, và cách dùng chữ vắn-tắt, để lại dư-âm trong tâm-hồn.

### B R I S E M A R I N E

La chair est triste, hélas ! et j'ai lu tous les livres  
 Fuir ! là-bas, fuir ! Je sens que des oiseaux sont ivres  
 D'être parmi l'écume inconnue et les Cieux.  
 Rien, ni le vieux jardin reflété par les yeux,

Ne retiendra ce cœur qui dans la mer se trempe,  
 Ô nuit, ni la clarté déserte de ma lampe  
 Sur le vide papier que la blancheur défend  
 Et ni la jeune femme allaitant son enfant,

Je partirai. Steamer, balançant ta mâture,  
 Lève l'ancre pour une exotique nature.  
 Un Ennui désolé par de cruels espoirs,  
 Croit encore à l'adieu suprême des mouchoirs !

Et peut-être les mâts invitant les orages  
 Sont-ils de ceux qu'un vent penche sur les naufrages  
 Perdus sans mâts, sans mâts, ni fertiles îlots...  
 Mais, ô mon cœur, entendis le chant des matelots.

## GIÓ KHƠI

Bên án sách mắt coi đã chán  
 Chốn phòng the lòng ngán rã rời.  
 Lánh đi, ta lánh đi thôi,  
 Kia đan hải-diều ngoài khơi tung-hoành.  
 Chân mây thẳm thênh-thênh bay lượn  
 Mặt sóng cồn nô-dồn mê-say.  
 Vườn xưa cảnh cũ quên ngay,  
 Vườn in trong mắt, biển đây trong tâm.  
 Nhớ chi thú ánh đêm thanh-vắng  
 Đèn ngai-ngùng giũy trắng nguyên-trinh ;  
 Nhớ chi cả mồi ẩn-tình,  
 Con thơ vợ ấm bên mình nâng-niu.  
 Thôi đã quyết, còn điều chi nữa  
 Căng buồm lên, thuyền nhỏ neo ngay,  
 Non xa nước lạ vui-vầy  
 Xá chi chuyện cũ đà cay đắng lòng.  
 Buồn rã-rợi, những mong đi thoát  
 Tay vẫy khăn, vĩnh-biệt là yên  
 Rồi đây giọng-tõi nỗi lên  
 Buồm còn thách bão, có phen lật nhào.  
 Thuyền mất lái, dat xiêu lạc nẻo  
 Khôn tìm đâu một đảo an-toàn !  
 Lòng oi, lắng tiếng hờ-khoan...



## **VERLAINE**

1844-1896

Sinh tại Metz, mất tại Paris. Thi-sĩ thuộc phái Symbolistes (Tượng trưng), thơ đặc-sắc về thanh âm, về cảm-giác hồn-nhiên, về nhạc điệu, không khe khắt về vấn. Văn thơ bị ảnh hưởng vì cuộc đời lang-thang, sóng gió. Phần nhiều là thơ tình-cảm. Hai bài sau đây trích ở tập Sagesse.

## ARIETTES OUBLIÉES

Il pleure dans mon cœur  
 Comme il pleut sur la ville ;  
 Quelle est cette langueur  
 Qui pénètre mon cœur ?

O doux bruit de la pluie,  
 Par terre et sur les toits !  
 Pour un cœur qui s'ennuie,  
 Oh ! le chant de la pluie !

Il pleure sans raison  
 Dans ce cœur qui s'éccoure !  
 Quoi ! nulle trahison ?  
 Ce deuil est sans raison.

C'est bien la pire peine  
 De ne savoir pourquoi,  
 Sans amour et sans haine,  
 Mon cœur a tant de peine.

## ĐOÀN-CA BỎ SÓT

*Lệ rõ trong tâm  
Mưa rơi ngoài phố  
Thờ-thẫn âm-thầm  
Thầm dần trong tâm...*

*Tiếng mưa êm gieo  
Dưới hè trên mái  
Lòng càng đau-hiu  
Ôi tiếng mưa gieo !*

*Lệ rõ không đâu  
Lòng ta ngao-ngán  
Nào ai phụ nhau  
Tang lòng không đâu...*

*Còn gì phiền-ruu  
Bằng không duyên cớ :  
Không ghét không yêu  
Lòng đầy phiền-ruu...*

### L'ESPOIR

L'espoir luit comme un brin de paille dans l'étable.  
 Que crains-tu de la guêpe ivre de son vol fou ?  
 Vois, le soleil toujours poudroie à quelque trou.  
 Que ne t'endormais-tu, le coude sur la table ?

Pauvre âme pâle, au moins cette eau du puits glacé,  
 Bois-la. Puis dors après. Allons, tu vois, je reste,  
 Et je dorloterai les rêves de ta sieste,  
 Et tu chanteras comme un enfant bercé.

Midi sonne. De grâce, éloignez-vous, madame.  
 Il dort. C'est étonnant comme les pas de femme  
 Résonnent au cerveau des pauvres malheureux.

Midi sonne. J'ai fait arroser dans la chambre.  
 Va, dors ! L'espoir luit comme un caillou dans un creux.  
 Ah ! quand refleuriront les roses de septembre !

## H I - V Q N G

Cộng rơm nhỏ chuông bò tắm-tối

Tia nắng trưa rời tối sáng lòe,

Ây tia hi-vọng khác gì,

Con ong, mặc nó vo-ve bay quàng...

Kia, khe nào ánh dương chẳng chiếu,

Tì lên bàn, thôi liệu ngủ đi !

Này vò nước giêng mát ghê,

Uống chơi một ngum, giặc hòe nghỉ yên...

Em ngồi đây kê bên nâng-dauc,

Em như ru, anh hát trong mơ...

Hồi chuông đã điểm giờ trưa.

Dám xin bà hãy từ-từ lánh ra.

Anh đang ngủ, xin bà nhẹ bước,

Ai ngờ chặng cảm giác lạ đời :

Gót sen dù chỉ khoan-thai,

Cũng vang lên óc nhăng người đau thương.

Chuông chính ngọ nghe càng đồn-dập

Nơi phòng bên, sàn dấp nước rồi.

Ngủ đi, anh hồi anh ơi,

Còn tia hi-vọng, còn đời tài-hoa.

Như hòn cuối dưới khe hiu-quạnh,

Gặp nắng soi, óng-ánh lên ngay !

Cụm hồng tro mẩy nhánh gầy

Hoa tàn thu trước, thu này sẽ tươi...

## G R E E N

Voici des fruits, des fleurs, des feuilles et des branches,  
Et puis voici mon cœur, qui ne bat que pour vous.  
Ne le déchirez pas avec vos deux mains blanches  
Et qu'à vos yeux si beaux l'humble présent soit doux.

J'arrive tout couvert encore de rosée  
Que le vent du matin vient glacer à mon front.  
Souffrez que ma fatigue, à vos pieds reposée,  
Rêve de chers instants qui la délasseront.

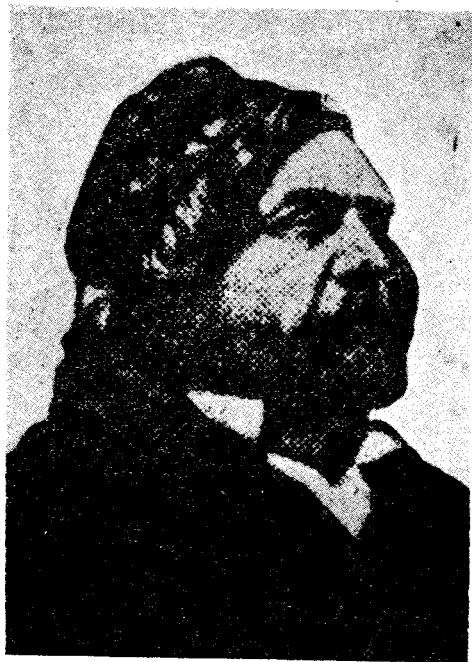
Sur votre jeune sein laissez rouler ma tête  
Toute sonore encor de vos derniers baisers ;  
Laissez-la s'apaiser de la bonne tempête,  
Et que je dorme un peu puisque vous reposez.

## XANH

Đây quả, đây hoa, đây lá cành,  
 Và đây, tim đập nhung vì Mình :  
 Tay ngà đừng xé cho tan hé,  
 Quà mọn, mong hài ý mắt xanh.

Thắm em, trán đượm giọt sương mai,  
 Gió buốt, sương đông, há quản nài !  
 Mệt mỏi, xin cho ngồi dưới gối,  
 Đỡ lòng, mơ đến phút thiêng-thai !

Ngực em làm gối ngả đâu này.  
 Còn rộn trong đâu tiếng đắm say ;  
 Còn bao mê hồn chờ lắng dịu,  
 Nghỉ đi, anh cũng thiếp vài giây...



## THÉOPHILE GAUTIER

(1811-1872)

Thoạt tiên Théophile Gautier thuộc phái Lãng-mạn (romantiques) nhưng lần lần ly-khai, để chủ-trương nghệ-thuật vì nghệ-thuật (l'art pour l'art) chú trọng về lời văn và như vậy là một trong những thi-sĩ khởi xướng ra phái Thi-sơn (Parnasse). Mỗi bài thơ như một bức tranh, câu văn rất điêu luyện, tỷ dụ bài Fumée dịch sau đây trích ở tập Emaux et Camées.

Théophile Gautier xuất bản các tập thơ :  
Poésies (1830), Poésies complètes (1845),  
Emaux et Camées (1852).

## FUMÉE

Là-bas, sous les arbres s'abrite  
La chaumière au dos bossu.  
Le toit penche, le mur s'effrite,  
Le seuil de la porte est moussu.

La fenêtre, un volet la bouche.  
Mais du taudis, comme au temps froid,  
La tiède haleine d'une bouche,  
La respiration se voit.

Un tire-bouchon de fumée  
Tournant son mince filet bleu  
De l'âme en ce bouge enfermée  
Porte les nouvelles à Dieu.

## KHÓI

*Xa xa, bóng cây lồng,  
Lều tranh thu lưng cong.  
Mái xiêu, tường nứt rạn,  
Ngưỡng cửa đây rêu phong.*

*Mảnh ván bít bên song  
Lều thở hơi pháp phöng  
Như người tuôn mây khói  
Trong tiết trời giá đông.*

*Một tia khói mong manh  
Soắn soắn hướng trời xanh  
Cảm thông lên Thượng đế  
Tâm hồn nép mái tranh.*



## **FRANÇOIS COPPÉE**

1842-1908

Sinh-trưởng ở Paris, Coppée ưa tả những quang-cảnh hàng ngày, những tâm-trạng và cảm-xúc của thường-dân đầy thi-vị. Tác-giả các tập: Les humbles (những người thấp kém), les Inimités (thân-mật).

**LES LARMES**

J'aurai cinquante ans tout à l'heure,  
 Je me résigne, Dieu merci !  
 Mais j'ai ce très grave souci :  
 Plus je vieillis, moins je pleure.

Je souffre pourtant aujourd'hui  
 Comme jadis, et je m'honore  
 De sentir vivement encore  
 Toutes les misères d'autrui.

Oh ! la bonne source attendrie  
 Qui me montait du cœur aux yeux !  
 Suis-je à ce point devenu vieux  
 Qu'elle soit près d'être tarie ?

Pour mes amis dans la douleur,  
 Pour moi-même, quoi ? pas une larme  
 Qui tempère, console et charme  
 Un instant ma peine et la leur ?

Hier encore, par ce froid si rude,  
 Devant ce pauvre presque nu,  
 J'ai donné, mais sans être ému,  
 J'ai donné, mais par habitude.

## GIỌT LÊ

Lát nứa, đúng năm-mươi,  
 Cam phận đã cho rồi !  
 Chỉ khồ-tâm một nỗi :  
 Càng già, lệ càng voi.

Thưa giờ vẫn lao-đao,  
 Nhưng ta lại tự-hào :  
 Lòng còn nghe xúc-động  
 Kìp người thương biết bao !

Ôi, suối lệ cảm-thông,  
 Rung-rung xuất tự lòng.  
 Chẳng lẽ tâm cần-cối  
 Nguồn thương đèn cạn dòng ?

Bè-bạn cơn sâu-thương,  
 Thân mình lúc võ-vàng,  
 Há khôn-lệ xoa dịu  
 An-ủi chút lén hương ?

Hôm qua lạnh thấu ruột,  
 Gặp kẻ nghèo giờ xương.  
 Cho tiền, lòng chẳng động,  
 Ta cho, như lệ thường...

Et ce triste veuf, l'autre soir  
 — Sans que de mes yeux soit sortie  
 Une larme de sympathie —  
 M'a confié son désespoir.

Est-ce donc vrai ? Le cœur se lasse  
 Comme le corps va se courbant.  
 Et moi seul, toujours m'absorbant,  
 J'irai, vieillard à tête basse ?

Non ! C'est mourir plus qu'à moitié !  
 Je prétends, cruelle nature,  
 Résistant à ta loi si dure,  
 Garder intacte ma pitié.

Oh ! les cheveux blancs, et les rides  
 Je les accepte, j'y consens,  
 Mais au moins jusqu'en mes vieux ans  
 Que mes yeux ne soient pas arides !

Car l'homme n'est laid, ni pervers  
 Qu'au regard sec de l'égoïsme  
 Et l'eau d'une larme est un prisme  
 Qui transfigure l'univers.

*Chiều nọ kẻ cô đơn,  
Chán đời đến thở than.  
Đứng-dừng nghe tâm sự,  
Không một giọt bàn hoàn.*

*Lòng ngán rồi thật ru ?  
Tháng năm lung thêm gù.  
Thân già đi lui-huí,  
Nỗi mình ngẫm càng tro...*

*Như chết giờ, còn chi !  
Ta đâu chịu Hóa-nhi :  
Quyết giữ tình thương vẹn,  
Chỗng lại luật khắt-khe.*

*Tóc bạc da nhăn nhúm,  
Xin vâng không phàn-nàn.  
Ít ra Trời cũng để  
Đôi mắt đứng khô-khan !*

*Ích-kỷ mắt ráo hoảnh,  
Trông ai cũng xấu-xa,  
Giọt lệ như lăng-kính :  
Vũ trụ muôn màu hoa !*



## **PAUL DÉROULÈDE**

1846-1914

Sinh tại Paris, thi-sĩ kiêm chính-trị-gia, đã  
xuất-bản tập Chants du Soldat.

Paul Déroulède chuyên làm những bài ca  
ái-quốc.

### LE BON GITE

Bonne vieille, que fais-tu là ?  
 Il fait assez chaud sans cela,  
 Tu peux laisser tomber la flamme.  
 Ménage ton bois, pauvre femme,  
 Je suis séché, je n'ai plus froid.  
 Mais, elle, qui ne veut m'entendre,  
 Jette un fagot, range la cendre :  
 « Chauffe-toi, soldat, chauffe-toi. »

Bonne vieille, je n'ai pas faim,  
 Garde ton jambon et ton vin ;  
 J'ai mangé la soupe à l'étape.  
 Veux-tu bien m'ôter cette nappe !  
 C'est trop bon et trop beau pour moi.  
 Mais elle, qui n'en veut rien faire,  
 Taille mon pain, remplit mon verre :  
 « Refais-toi, soldat, refais-toi. »

### NƠI NGHỈ ĐÊM ÂM-ÂM

- « *Già oi, làm chi đó ?*  
*Tiết trời còn âm mà !*  
*Tắt lửa đi cũng được,*  
*Đề dành củi, phòng xa.*  
*Tôi khô rồi, hết lạnh »*  
*Nhưng bà già không nghe,*  
*Gạt tro, cho thêm củi :*
- « *Sưởi đi con, sưởi đi... »*
- « *Già oi, tôi không đòi,*  
*Rượu thịt hãy giữ lại,*  
*Tôi ăn ở trạm rồi ;*  
*Thôi khăn bàn đường trải,*  
*Chi mà sang thế này ? »*  
*Bà già ý không đòi,*  
*Cắt bánh, rót rượu đây :*
- « *Ăn đi con, chờ ngại... »*

Bonne vieille, pour qui ces draps ?  
Par ma foi, tu n'y penses pas !  
Et ton étable ? et cette paille  
Où l'on fait son lit à sa taille ?  
Je dormirai là comme un roi.  
Mais elle, qui n'en veut démordre,  
Place les draps, met tout en ordre :  
« Couche-toi, soldat, couche-toi ! »

— Le jour vient, le départ aussi. —  
Allons ! adieu... Mais qu'est ceci ?  
Mon sac est plus lourd que la veille.  
Ah ! bonne hôtesse ! ah ! chère vieille,  
Pourquoi tant me gâter, pourquoi?  
Et la bonne vieille de dire,  
Moitié larme moitié sourire :  
« J'ai mon gars soldat comme toi ! »

- « *Dọn giường cho ai đây ?  
Sao già hay nghĩ quần ?  
Chuồng bò kia còn rơm,  
Đủ làm nệm vừa-văn.  
Ngủ đó như vua rồi ! »*
- « *Bà già không chấp-thuận,  
Thu-vén thật gọn-gàng :*  
— « *Ngủ đi con, đừng bạn... »*
- « *Rạng ngày, tôi đi đây.  
Thôi chào già ở lại.  
Ba-lô sao lả-kỳ,  
Lại nặng hơn lúc tôi ?  
Già ơi, già ăn cần  
Nuông tôi chi quá lối ? »*
- « *Bà dở khóc dở cười :  
Con già cũng quản-đội... »*



## JEAN MORÉAS

1856-1910

Sinh tại Athènes (Hy-Lạp). Năm 1875 tới Paris<sup>s</sup> học luật, rồi chuyên về văn-nghệ và ở hẳn tại Pháp-quốc. Lúc đầu chịu ảnh-hưởng của văn-phái Symbolistes, sau hướng về tinh hoa văn-hóa Hy-Lạp, La-Mã. Tác-phẩm nổi tiếng nhất là tập *Stances*, gồm những bài thơ tú tuyệt, đượm vẻ u-buồn man mác.

## S T A N C E S

Par ce soir pluvieux, es-tu quelque présage,  
 Un secret avertissement,  
 O feuille, qui me viens effleurer le visage  
 Avec ce doux frémissement ?

L'Automne t'a flétrie et voici que tu tombes,  
 Trop lourde d'une goutte d'eau :  
 Tu tombes sur mon front que courbent vers les tombes  
 Les jours amassés en fardeau.

Ah ! passe avec les vents, mélancolique feuille  
 Qui donnais ton ombre au jardin !  
 Le songe où maintenant mon âme se recueille  
 Ouvre les portes du destin.



Ne dites pas : la vie est un joyeux festin ;  
 Ou c'est d'un esprit sot ou c'est d'une âme basse.

## ĐOÀN - THI

*Chiều mưa, một chiếc lá vàng  
Rung-rinh lướt mặt, nhẹ nhàng bay qua.  
Báo điểm chí đó chẳng là,  
Hay ngầm cảnh giác, lòng ta bồi hồi.*

*Thu về lá đã úa rồi.  
Nặng vì giọt nước, sa vội đâu ta.  
Đâu ta nặng chịu ngày qua  
Cúi gần gần đất, cúi xa xa trời.*

*Vườn xưa bóng lá buôn oi !  
Mặc cho gió cuộn chơi với chốn nào ?  
Trầm-ngâm mộng hú róng về đâu ?  
Hôn như hé thay kiếp sau đã gần...*



*Những ai ngu muội ai ti-tiều,  
Mới bảo đời là bữa tiệc vui.*

Surtout ne dites point : elle est malheur sans fin ;  
 C'est d'un mauvais courage et qui trop tôt se lasse.

Riez comme au printemps s'agitent les rameaux,  
 Pleurez comme la bise ou le flot sur la grève,  
 Goûtez tous les plaisirs et souffrez tous les maux ;  
 Et dites : c'est beaucoup et c'est l'ombre d'un rêve.



Quand reviendra l'automne avec les feuilles mortes  
 Qui couvriront l'étang du moulin ruiné,  
 Quand le vent remplira le trou béant des portes  
 Et l'inutile espace où la meule a tourné,

Je veux aller encor m'asseoir sur cette borne,  
 Contre le mur tissé d'un vieux lierre vermeil,  
 Et regarder longtemps dans l'eau glacée et morne  
 S'éteindre mon image et le pâle soleil.

Những ai hèn-dớn, sớm mệt mỏi,  
Mới bao đời là chuỗi khổ dài.

Cuối đi như cành xuân bốn-cợt  
Khóc như gió bắc, sóng vờn bờ  
Vui ta cứ hường, đau ta chịu  
Vui thê nhiêu rồi ; đau : bóng mơ !



Rồi khi thu đến lá vàng rơi.  
Ao nhè-xay-lúa phủ đây rồi  
Gió lồng thổi vào đất hoang-phế  
Cõi không xay nữa, cửa không cài...

Ta muốn lại ngồi trên mốc đá,  
Đây leo dệt úa mái tường xưa,  
Để nhìn mặt nước đìu-hiu lạnh,  
Bóng trời phờ-phạc, bóng ta mờ...



## ALBERT SAMAIN

(1858-1900)

Tác-giả các tập thơ :

*Au jardin de l'Infante* (1893)

*Aux flancs du vase* (1898)

*Le chariot d'or* (1901)

Nổi tiếng hối đầu thế-kỷ XX, Albert SAMAIN đã đem cái hay của thi-phái Tượng-trưng (Symbolisme) với lời thơ óng chuôt, du-dương, nhưng dễ hiểu, dung hòa với sắc-thái của phái Thi-Sơn (Parnasse) mà tâm-hồn lại phảng-phât sắc màu lãng-mạn (Romantisme). Vì vậy Albert SAMAIN rất được ưa chuộng. Bài thơ *Cái Nôi* dịch sau đây không những khêu gợi lòng xúc-động tình phụ-tử, mà còn để ta cảm thấy sự thiêng-liêng của nòi giông.

## LE BERCEAU

Dans la chambre paisible où tout bas la veilleuse  
Palpite comme une âme humble et mystérieuse,  
Le père, en étouffant ses pas, s'est approché  
Du petit lit candide où l'enfant est couché ;

Et sur cette faiblesse et ces douceurs de neige  
Pose un regard profond qui couve et qui protège.  
Un souffle imperceptible aux lèvres, l'enfant dort.  
Penchant la tête ainsi qu'un petit oiseau mort,

Et, les doigts repliés au creux de ses mains closes,  
Laisse à travers le lit traîner ses bras de roses.  
D'un fin poudroiemment d'or, ses cheveux l'ont nimbé ;  
Un peu de moiteur perle à son beau front bombé,

## CÁI NÔI

Như một hồn thiêng, mọn, ảo huyền,  
Trong phòng yên tĩnh, một cây đèn  
Chập chờn soi sáng nỗi tình khiết  
Rón rورc, người cha khẽ tới bên.

Ngắm nghĩa con thơ, tuyêt trăng trong,  
Chờ che, dùm bọc, rộn trong lòng  
Ngả đâu bé ngủ như chim ngủ,  
Hơi thở đều đều, môi nhẹ rung.

Hai cánh tay hồng ruối vắt ngang  
Ngón tay khép lại kín trong giường.  
Hào-quang mái tóc in trên gối  
Định trán mồ hôi mây giọt vương

Ses pieds ont repoussé les draps, la couverture,  
Et libre maintenant, nu jusqu'à la ceinture,  
Il laisse voir ainsi qu'un lys éblouissant  
La pure nudité de sa chair d'innocent.

Le père le contemple, ému jusqu'aux entrailles...  
La veilleuse agrandit les ombres aux murailles,  
Et soudain, dans le calme immense de la nuit,  
Sous un souffle venu des siècles jusqu'à lui,

Il sent, plein d'un bonheur que nul verbe ne nomme,  
Le grand frisson du sang passer dans son cœur  
[d'homme.]

*Giờ đây thoái mái tâm hình-hài  
Bé đạp mền chăn, lộ nửa người :  
Da thịt nõn-nà vô-nhiêm ấy  
Như bông hoa trắng chói lòa tươi.*

*Người cha rung động cả tâm truwong  
Le lói đèn khuya bóng giải tưống.  
Đêm tối vô biền, bao thê hê,  
Thồi qua đưa lại một luồng hương.*

*Lời nào tả được tình-thương,  
Của giọng huyết-thông rộn-ràng qua tim !*



## MAETERLINCK

1862-1949

Quốc-tịch Bỉ, sinh tại tỉnh Gand trong khu-vực dùng tiếng Pháp, Maurice MAETERLINCK chiếm một địa-vị đặc-biệt quan-trọng trong văn-giới Bỉ, danh tiếng lan khắp các nước dùng tiếng Pháp.

Ngoài những văn-thơ điêu-luyện và tê-nhị, có khuynh-hướng tượng-trung (Serres chau-des 1889) Maeterlinck còn sáng-tác :

- nhiều vở kịch bi-dát về Sô kiếp,
- những sách luận thuyết về tâm-hồn và triết-lý,
- những sách nghiên-cứu rất tinh-tường về đời sống của Ông, Môi và Kiên.

Được giải thưởng Nobel về văn-chương năm 1911.

## POÉSIE

Et s'il revenait un jour,  
 Que faut-il lui dire ?  
 — Dites-lui qu'on l'attendit  
 Jusqu'à s'en mourir...

Et s'il m'interroge encor  
 Sans me reconnaître ?  
 — Parlez-lui comme une sœur.  
 Il souffre peut-être...

Et s'il demande où vous êtes,  
 Que faut-il lui répondre ?  
 — Donnez-lui mon anneau d'or  
 Sans rien lui répondre...

Et s'il veut savoir pourquoi  
 La salle est déserte ?  
 — Montrez-lui la lampe éteinte  
 Et la porte ouverte...

Et s'il m'interroge alors  
 Sur la dernière heure ?  
 — Dites-lui que j'ai souri  
 De peur qu'il ne pleure...

## TẠI AI, HÁ DÁM PHỤ LÒNG

*Lỡ mai anh có quay về hỏi,  
Chị nhỉ, em nên nói thế nào ?  
— Em bảo : chị ngồi trông đợi mãi  
Mỗi-mòn, mà chẳng thấy âm-hao...*

*Thế ngộ anh còn thăm hỏi nữa  
Mà không nhận được em là ai ?  
— Trả lời nhỏ-nhé như em gái,  
An-ủi người xa nỗi ngậm-ngùi...*

*Thế hỏi em rằng chị ở đâu  
Thì em còn biết nói-nắng sao ?  
— Em đem nhẫn cưới ra trao lại  
Đừng phụ thêm vào lấy nữa câu.*

*Thế anh muốn biết vì sao vắng  
Lạnh-léo phòng hương chẳng thấy người  
— Em trả cho anh đèn đã tắt  
Điu hiu gió lọt, cửa không cài...*

*Thế anh muốn hỏi lúc lâm-chung  
Em biết sao đây mà nói cùng ?  
— Em bảo chị đi lòng hờn-hờ,  
Cho chàng khỏi hận, lệ tuôn dòng...*



## HENRI DE RÉGNIER

1864-1936

Sinh tại Honfleur, Henri de Régnier dung hòa cả tinh-túy của phái Parnassiens (Tao-dàn) và Symbolistes (Tượng trưng). Văn điêu luyện có sắc-thái riêng biệt về âm thanh cũng như về cảm-giác, đã chiêm một địa-vị quan-trọng trong hàng ngũ thi-sĩ đương thời.

Tác-giả nhiều tập thơ, và tiểu-thuyết có giá-tri.

Bài thơ « Ngọn đồi » dưới đây cho ta cảm-giác nhẹ nhàng như tranh thủy mặc. Đó là một trong những khía cạnh tài nghệ của thi-sĩ Henri de Régnier.

## LA COLLINE

Cette colline est belle, inclinée et pensive,  
Sa ligne sur le ciel est pure à l'horizon.  
Elle est un de ces lieux où la vie indécise  
Voudrait planter sa vigne et bâtir sa maison.

Nul pourtant n'a choisi sa pente solitaire  
Pour y vivre ses jours, un à un, au penchant  
De ce souple coteau doucement tutélaire  
Vers qui monte la plaine et se hausse le champ.

Aucun toit n'y fait luire, au soleil qui l'irise  
Ou l'empourpre dans l'air du soir ou du matin  
Sa tuile rougeoynante ou son ardoise grise,  
Et personne jamais n'y fixa son destin,

## NGỌN ĐỒI

*Ngọn đồi chênh-chêch, xinh xinh,  
U-hoài in nét thanh-thanh chân trời.  
Khách du thơ-thần tới nơi,  
Luống mong dìng gót, nhà cơi, nho trỗng.*

*Nhưng chưa ai lựa đồi không,  
Làm nơi ăn dặt, lán xong chuỗi ngày;  
Lưng đồi uyển chuyền ven mây,  
Bốn phương đông ruộng như quay lại chầu.*

*Nào đâu có mái nhà nào,  
Ngói hồng, ngói tím, được chào ánh dương.  
Hoài bao ráng đỏ, nắng vàng,  
Đẽ ai nghĩ đến con đường diền-viên.*

De tous ceux qui passant un jour devant la grâce  
De ce site charmant et qu'ils auraient aimé  
En ont senti renaître en leur mémoire lasse  
La forme pacifique et le songe embaumé.

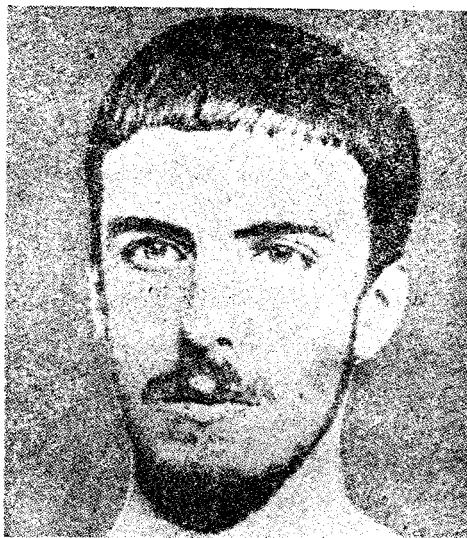
C'est ainsi que chacun rapporte de son voyage  
Au fond de son cœur triste et de ses yeux en pleur  
Quelque vaine, éternelle et fugitive image  
De silence, de paix, de rêve et de bonheur.

Mais sur la pente verte et doucement déclive  
Qui donc plante sa vigne et bâtit sa maison.  
Hélas ! La colline belle, inclinée et pensive  
Avec le souvenir demeure à l'horizon.

*Ai qua ngắm cảnh cung khen,  
Lặng-lờ, đến lúc ưu phiền nhớ ra,  
Bức tranh đây vẽ thái hòa,  
Lên hương như giấc mộng hoa thanh-bình.*

*Đường đời qua cuộc lữ-hành,  
Mắt hoen-hoen lệ, lòng canh-cánh buồn.  
Còn vương mãi ở tâm-hồn,  
Ấy nỗi thơ mộng là nguồn yên vui.*

*Nhưng nào ai chọn lưỡng đồi,  
Xây căn nhà ở, vở vài nương nho?  
Đồi xinh chênh-chêch mờ hờ,  
Nằm trong ký ức, lờ-mờ chân mây.*



## **PAUL-JEAN TOULET**

(1867-1920)

Thơ của Paul-Jean TOULET có dạng êm  
điệu mỉa-mai, cảm-xúc kín đáo, kỹ-thuật rất điêu  
luyện, được thu thập và xuất-bản năm 1921  
dưới tựa đề *Contrerimes*. TOULET được coi  
là trội nhất trong nhóm thi-sĩ ngoài khuôn  
khổ (*école fantaisiste*).

Paul-Jean TOULET còn là tác-giả nhiều tiểu  
thuyêt.

## CONTRERIME

La vie est une plus vaine image

Que l'ombre sur le mur.

Pourtant l'héroglyphe obscur

Qu'y trace ton passage

M'enchanté, et ton rire pareil

Au vif éclat des armes ;

Et jusqu'à ces menteuses larmes

Qui miraient le soleil.

Mourir non plus n'est ombre vaine,

La nuit, quand tu as peur

N'écoute pas battre ton cœur :

C'est une étrange peine. (1)

---

(1) Etrange : trong ngữ vựng của Toulet cũng như của Mallarmé, étrange có nghĩa như étranger.

## ĐÀN NGANG CUNG

*Đời chỉ là một bóng hình hư-ảo,  
Hư ảo hơn cả bóng in trên tường.*

*Những vệt ngoằn-ngoèo trông đầy bí-hiểm  
Em vạch khi lướt qua miền tang thương*

*Vẫn làm anh say-đắm ; như tiếng cười  
Lanh-lanh khác chi tiếng kiềm rợn người,  
Cả giọt lệ của em tuy giả-dối  
Nhưng lại long-lanh chiếu rọi ánh trời !*

*Chết đâu còn là bóng đen hư ảo !  
Đêm đêm, khi em sợ hãi lo âu,  
Đừng vạ gì lắng tiếng tim hồi hộp :  
Mỗi phiền nào có hệ tới em đâu !*



## **EDMOND ROSTAND**

1868-1918

Tác-giả tập thơ Les musardises (thơ thẩn  
la cà) và nhiều kịch thơ nổi tiếng như :

Cyrano de Bergerac (1897)

L'Aiglon (1900)

Chantecler (1910)

Cyrano de Bergerac vốn là một văn-sĩ, lại là  
tay kiêm-hiệp, tâm-hồn phóng-khoáng. Đoạn  
kịch trích dịch sau đây là lúc tâm-trạng Cyrano  
được phô bày.

## LE BRET

Si tu laissais un peu ton âme mousquetaire,  
La fortune et la gloire...

## CYRANO

Et que faudrait-il faire ?

Chercher un protecteur puissant, prendre un patron,  
Et comme un lierre obscur qui circonvient un tronc  
Et s'en fait un tuteur en lui léchant l'écorce,  
Grimper par ruse au lieu de s'élever par force ?

Non, merci !

Dédier, comme tous ils le font,  
Des vers aux financiers ? Se changer en bouffon  
Dans l'espoir vil de voir, aux lèvres d'un ministre,  
Naitre un sourire, enfin, qui ne soit pas sinistre ?

Non, merci !

Déjeuner, chaque jour, d'un crapaud ?  
Avoir un ventre usé par la marche ? une peau  
Qui plus vite, à l'endroit des genoux, devient sale ?  
Exécuter des tours de souplesse dorsale ?

Non, merci !

## LÉ BRET

*Nếu anh bỏ được tính mā-thượng,  
Danh, lợi...*

## GYRANO

*Anh khuyên phải thế nào ?*

*Tìm người quyến-thẽ, nhận quan thày,  
Như sợi dây leo quấn lấy cây,  
Để vịn mà trèo, mà liếm vỏ,  
Ngoi lên bằng mèo, chẳng bằng tài ?*

*Cảm ơn, chịu thôi !*

*Hay là bắt chước như bầy chúng  
Tặng lũ nhà giàu thơ tán tụng  
Hãy mình làm nhọ, mong nụ cười  
Đỡ tớm trên môi ống lớn bụng !*

*Cảm ơn, chịu thôi !*

*Cửa quyền phục-dịch suốt ngày đêm  
Đầu gối quỳ mòn đến luốc-lem  
Lót dạ cóc khô, bụng đói là  
Cõ công uốn-éo cái lưng mềm...*

*Cảm ơn, chịu thôi !*

D'une main flatter la chèvre au cou,  
 Cependant que, de l'autre, on arrose le chou,  
 Et donneur de séné par désir de rhubarbe,  
 Avoir son encensoir toujours dans quelque barbe ?  
 Non, merci !

Se pousser de giron en giron,  
 Devenir un petit grand homme dans un rond,  
 Et naviguer, avec des madrigaux pour rames,  
 Et dans ses voiles des soupirs de vieilles dames ?  
 Non, merci !

Chez le bon éditeur de Sercy  
 Faire étudier ses vers en payant ? Non, merci !  
 S'aller faire nommer pape par les conciles  
 Que dans des cabarets tiennent des imbéciles ?  
 Non, merci !

Travaillez à se construire un nom  
 Sur un sonnet, au lieu d'en faire d'autres ? Non,

Một tay ve vuốt dê tham ăn,  
 Một tay tưới cài, mong giữ phần,  
 Thả con săn-sắt, hòng cá chép,  
 Lúc nào cũng săn nịnh tha-nhân.

Cảm ơn chịu thôi !

Nương thân kẻ ấy đến người này,  
 Ăn quần, gà què bên cõi xay,  
 Thơ nịnh đôi vẫn làm bánh lái  
 Gái già soa-suýt thôi buồm mây.

Cảm ơn, chịu thôi !

Bỏ tiền in lầy tập thơ mình  
 Nhờ tiếng nhà in đê lầy danh  
 Quán rượu họp nhau mây đúa xuân.,  
 Tôn mình thi-bá, thế là vinh ?

Cảm ơn, chịu thôi !

Muốn xây danh-tiếng thật vang rền  
 Thi-phàm lèo-tèo gọi có tên  
 Văn-nghiệp dõi-dào ai đã trọng  
 Viết thêm chí nữa chuốc thêm phiền ?

Cảm ơn, chịu thôi !

Merci ! Ne découvrir du talent qu'aux mazettes ?

Être terrorisé par de vagues gazettes ?

Et se dire sans cesse : Oh ! pourvu que je sois

Dans les petits papiers du Mercure François ?

Non, merci !

Calculer, avoir peur, être blême,

Préférer faire une visite qu'un poème,

Rédiger des placets, se faire présenter ?

Non, merci ! non, merci ! non, merci ! Mais... chanter,

Rêver, rire, passer, être seul, être libre,

Avoir l'œil qui regarde bien, la voix qui vibre,

Mettre, quand il vous plaît, son feutre de travers,

Pour un oui, pour un non, se battre, ou faire un vers !

*Cho lũ tâm-thường là phi thường,  
E sợ phảm-binh trên báo-chương.  
Tự nhủ có tên đăng tạp-chí  
Là đời biết mặt đủ vênh-vang.*

*Cảm ơn, chịu thôi !*

*Mưu toan, sợ sệt, mặt xanh lờ  
Chạy chọt hơn là sáng-tác thơ  
Lo viết bài khen, cầu giới-thiệu,  
Chịu thôi, đa tạ, ta không ưa !*

*Ta ưa ca hát, mộng, vui cười  
Lui tới riêng mình rộng bước chơi  
Sang-sảng tiếng đồng, nhìn thẳng mắt  
Khi ngông, mũ lệch sợ gì ai !*

Travailler sans souci de gloire ou de fortune,  
A tel voyage, auquel on pense, dans la lune !  
N'écrire jamais rien qui de soi ne sortît,  
Et modeste d'ailleurs, se dire : Mon petit,

Sois satisfait des fleurs, des fruits, même des feuilles,  
Si c'est dans ton jardin à toi que tu les cueilles !  
Puis, s'il advient d'un peu triompher, par hasard,  
Ne pas être obligé d'en rien rendre à César,

Vis-à-vis de soi-même en garder le mérite ;  
Bref, dédaignant d'être le lierre parasite,  
Lors même qu'on n'est pas le chêne ou le tilleul,  
Ne pas monter bien haut, peut-être, mais tout seul.

Một tiếng trái tai lòng chẳng ưa  
 Là ta rút kiếm hoặc... làm thơ  
 Gắng công xá kẽ gì danh lợi  
 Du lịch cung trăng, ý cũng vừa !

Viết theo cảm-xúc tự chân-tình  
 Giữ mực khiêm-cung, mình nhủ mình :  
 Ngày quả, ngày hoa, dù lá nưa,  
 Ta hái vườn ta cũng đủ vinh !

Vạn nhất danh thơm nỗi với đời  
 Ta đâu phải trả nợ cho ai ?  
 Tự ta xây đắp nên cơ-nghiệp  
 Ta đồi mình ta chẳng hẹn rồi.

Như xẽn, như đa, dám ví nào !  
 Nhưng đâu màng sông kiếp dây leo  
 Ta lên có lẽ không cao lắm  
 Tự lực mình ta, ta tự hào !



## PAUL VALÉRY

(1871-1945)

Paul Valéry quan niệm rằng văn-chương phải do trí-tuệ phát-sinh, và như vậy không thể bị chi-phối bởi một cảm xúc bồng-bột hay một niềm hăm-hở bột phát; lời văn cũng không thể để buông thả, mà phải giới hạn theo một nghệ thuật, mỗi lời có giá trị, địa vị riêng biệt, như a b c trong bài toán đại-sô. Paul Valéry thường hay nhận xét những cảm giác tê-nhị thoảng qua rất mau lẹ trong tâm hồn, đem chung đúc lại, phân chât ra, rồi dùng trí tuệ diễn tả. Hư ảo như thơ phái Tượng-trưng, có quy-mô như thơ Cổ-điển, hàm xúc nhiều nhận xét tinh-tế, thơ của Paul Valéry không thể xem lướt qua, mà cần phải suy-ngẫm từng câu, nên nhiều người cho là tôi-nghĩa.

Paul Valéry sáng tác rất ít, nhưng ảnh hưởng đã sâu đậm trong văn-chương Pháp thế-kỷ thứ 20: La jeune Parque 1917 — Le cimetière marin 1920 — Poèmes 1922.

Bài thơ « Buốc Chân » không phải diễn tả bước chân giai-nhân đèn thăm thi-sĩ, mà là tượng-trưng từng giai-doạn suy-tưởng (pensée) và kết quả của sự trầm tư, khơi nguồn cho thi hứng. Sự suy tưởng nảy nở trong trí não như một bóng giai nhán mong chờ, vừa là thi-hứng (inspiration) vừa là thi-tú (inspiratrice).

## LES PAS

Tes pas, enfants de mon silence,  
 Saintement, lentement placés  
 Vers le lit de ma vigilance  
 Procèdent muets et glacés.

Personne pure, ombre divine.  
 Qu'ils sont doux, tes pas retenus !  
 Dieux ! tous les dons que je devine  
 Viennent à moi sur ces pieds nus.

Si, de tes lèvres avancées.  
 Tu prépares pour l'apaiser  
 A l'habitant de mes pensées  
 La nourriture d'un baiser,

Ne hâte pas cet acte tendre :  
 Douceur d'être et de n'être pas.  
 Car j'ai vécu de vous attendre  
 Et mon cœur n'était que vos pas.

## BƯỚC CHÂN

*Lắng nghe gót sen nở  
Trong âm-u cõi lòng,  
Hướng tới giường, hiền hậu,  
(Giường hằng chầm-chút mong)  
Chầm-chậm và thầm lặng  
Tiễn lại trong lạnh-lùng.*

*Thân tiên hay bóng thần,  
Êm thay, bước gai-nhan !  
Những tướng bao thanh quý  
Trời ban trên gót chân...*

*Nếu Em dướn môi hồng  
Dành hương vị hôn nồng  
Để nuôi cho dịu lại  
Nỗi ấp-ủ trong lòng,*

*Niềm yêu đương vội tூ :  
Không, sắc, đang du-duong.  
Anh đã chờ, chờ mãi,  
Gót em rộn tâm truwong*



## ANDRÉ MAUROIS

1885-1967

Tác-giả rất nhiều tiểu-thuyêt có giá-trị, nhiều văn khảo-cứu hoặc hoạt-kê như *Les Silences du Colonel Bramble*, *Les Discours du Dr O'Grady*, hoặc xác-đáng như các tập tiểu-sử Shelley, Disraeli, văn-chương thanh-thoát. Có chân trong Hàn-Lâm-Viện Pháp. Maurois được coi như là một văn-sĩ đại-danh trong giới trí-thức Pháp thế-kỷ XX. Bài thơ dịch sau đây là một bản thơ do Maurois dịch của nhà văn-hào Anh Rudyard Kipling, mà chính Kipling khi được đọc, cũng phải chịu là « hay hơn nguyên-văn ».

## SI

Si tu peux voir détruit l'ouvrage de ta vie  
Et sans dire un seul mot te mettre à rebâtir,  
Ou perdre en un seul coup le gain de cent parties  
Sans un geste et sans un soupir ;

Si tu peux être amant sans être fou d'amour,  
Si tu peux être fort sans cesser d'être tendre,  
Et, te sentant haï, sans haïr à ton tour,  
Pourtant lutter et te défendre,

Si tu peux supporter d'entendre tes paroles  
Travesties par des gueux pour exciter des sots,  
Et d'entendre mentir sur toi leurs bouches folles  
Sans mentir toi-même d'un mot ;

Si tu peux rester digne en étant populaire,  
Si tu peux rester peuple en conseillant les rois,  
Et si tu peux aimer tous tes amis en frère,  
Sans qu'aucun d'eux soit tout pour toi :

## VI

Ví con đã trăm lần thủ thắng  
 Một keo thua tay trăng về không,  
 Mà lòng lại biết nhủ lòng  
 Cơ-đồ gây lại, oán không một lời ;

Ví đường tình, xa noi rõ-dại  
 Biết nên cương mà lại nên nhu  
 Chẳng ưa con cũng chẳng thù,  
 Bên lòng tranh-đấu, miễn lo việc mình ;

Ví có kẻ lòng mạnh ở ác,  
 Đem lời con xuyên-tac ra ngoài :  
 Xá chi những miệng đồng-dài  
 Riêng con, con vẫn một lời thủy-chung ;

Ví hòa mình mà không bè đảng, (1)  
 Đường làm dân, khuyên giàn chí-tôn,  
 Anh em bốn biển cho tròn,  
 Tình riêng, chẳng để thiệt hơn một người ;

Si tu sais méditer, observer et connaître ;  
Sans jamais devenir sceptique ou destructeur,  
Rêver, mais sans laisser ton rêve être ton maître,  
Penser, sans n'être qu'un penseur ;

Si tu peux être dur sans jamais être en rage,  
Si tu peux être brave et jamais imprudent,  
Si tu peux être bon, si tu sais être sage,  
Sans être moral ni pédant ;

Si tu peux rencontrer Triomphe après Défaite  
Et recevoir ces deux menteurs d'un même front,  
Si tu peux conserver ton courage et ta tête,  
Quand tous les autres les perdront,

Alors les Rois, les Dieux, la Chance et la Victoire  
Seront à tout jamais tes esclaves soumis ;  
Et, ce qui vaut bien mieux que les Rois et la Gloire,  
Tu seras un Homme, mon fils !

Ví lại biết xét coi, học hỏi  
 Giọng hoài-nghi, phá-hoại đừng nghe,  
 Ước-mơ mà chẳng sa-mê  
 Nghĩ cho nên việc, chó hổ viễn-vông,  
  
 Ví lấy oai mà không nỡ dữ, (1)  
 Biết gan liền, biết lừa tối lui,  
 Biết ngay thảo với mọi người,  
 Mà không lên mặt dạy đòn : ta đây !

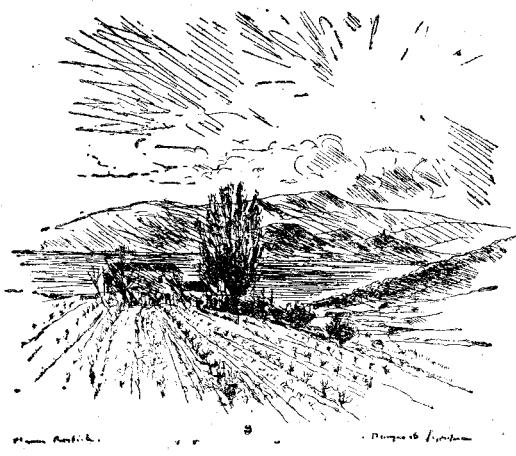
Ví con biết vinh rồi lại nhục  
 Cũng chẳng qua là cuộc hí-trường,  
 Biết đem can-dảm làm gương  
 Giữ lòng bình-thản, xõn-xang mặc người ;

Ví theo được như lời ta nhắn,  
 Thị đế-vương hiền-thánh khôn tay,  
 Vinh-quang, hạnh-phúc trong tay,  
 Lại hơn được cả điều này, con ơi :

Là con biết đạo làm người...

---

(1) Luận-ngữ : quân nhì bất đảng — uy nhì bất mãnh.



*Phong-cảnh (de Segonzac)*

## **PRINCESSE DE BOUFFEMONT**

### LORSQUE FINIRA LE VOYAGE

Lorsque finira le voyage,  
 — Peut-être dans pas bien longtemps —  
 Quand nous reverrons le village,  
 Qu'hier encore nous aimions tant,  
 Aura-t-il le même visage  
 Qui charmait nos regards d'enfants,  
 Le village que nous aimions tant,  
 Lorsque finira le voyage ?

Y reverrons-nous la fontaine,  
 Le lézard au soleil brûlant ?  
 Le tilleul près du grand chêne,  
 Les soirs d'été ensorcelants ?  
 Connaitrons-nous les mêmes peines,  
 L'émotion d'un jour troublant,  
 D'un soir d'été ensorcelant ?  
 Y reverrons-nous la fontaine ?

## BAO GIỜ DỪNG GÓT GIANG-HÔ

*Gót giang-hô đến khi dừng lại,*

*(Biết đâu còn được mấy lâu xa)*

*Bao giờ trở lại làng xưa,*

*Làng xưa là chọn mến-ưa những ngày...*

*Làng yêu-dẫu xưa rày có khác*

*Bóng hình in trong mắt tuổi thơ ?*

*Làng xưa tuổi trẻ mến ưa,*

*Hồi khi dừng gót, còn như thủa nào ?*

*Có còn chăng hôm nao bờ giềng,*

*Con thằn-lằn tắm nắng lim-dim,*

*Hàng cây ngủ bóng im-lìm,*

*Chiều hè ngày-ngắt cho tim náo-nè...*

*Tìm náo-nè ngày về có hết ?*

*Mỗi quan-hoài có hết như xưa ?*

*Ngày hè ngày-ngắt say-mơ,*

*Hồi rằng giềng cũ thủa giờ còn không ?*

Lorsque l'on part, on meurt un peu.

En rentrant, on meurt davantage.

Sans le savoir, on devient vieux.

Le temps nous tire dans son sillage.

Tout ce que nous aimions le mieux

Devient un nom, un paysage.

Le temps nous tire dans son sillage,

Lorsque l'on part, on meurt un peu.

Lorsque finira le voyage,

— Peut-être dans pas bien longtem~~ps~~

Elle aura pris un autre âge,

La maison que nous aimions tant !

C'est pourquoi, si nous étions sages;

Nous l'oublierions dès maintenant :

Peut-être ne sera-t-il plus temps,

Lorsque finira le voyage...

Bước ra đi, chết lòng đôi chút,

Khi trở về, lại chết lòng hơn.

Không ngờ tóc nhuộm thời-gian,

Thời-gian lôi-cuốn theo làn sóng đưa...

Những cảnh cũ mến ưa tự thủa,

Nay dừng-dừng họa nhớ chút tên.

Thời-gian lôi-cuốn theo liền,

Mà lòng tưởng chết từ phen lên đường.

Bước giang-hồ đến chừng nghỉ lại,

Có lẽ còn chẳng mấy lâu xa !

Nhà xưa yêu-dẫu thủa giờ,

Đến nay át cũng già-nua khác màu.

Nếu ta biết tránh câu phiền-lỵ,

Thì quên đi ngay tự bây giờ :

Kéo khi dừng gót giang-hồ,

Chắc đâu còn kịp ngày giờ lâng quên.



*Chân dung (Matisse)*

## PAUL GÉRALDY

1885-....

Tác-giả nhiều vở kịch phân tích những uẩn-khúc về ái-tình. Vẽ thơ văn đã xuất-bản 2 tập *Toi et Moi* và *Vous et Moi*, lời thơ rất tự-nhiên mà điêu-luyện và tê-nhi.

### MÉDITATION

Quoiqu'on aime et souffre ensemble,  
tous les deux,

Au fond l'on ne se ressemble  
que bien peu.

Il suffit d'une querelle  
même infime,  
pour qu'entre nous se révèlent  
des abîmes !

On croit qu'on est éperdu  
de tendresse,  
mais dès qu'il ne s'agit plus  
de caresse,

On ne se comprend en somme  
qu'à demi...

Si tu étais un homme  
serions-nous des amis ?

## SUY.TU

Tuy cùng yêu và cùng thương đau  
 Lứa đôi hạnh-phúc,  
 Mà ngẫm ra ý-hợp tâm-đầu,  
 Nào đâu mấy lúc?  
 Chỉ một cuộc côn-con va-chạm  
 Vì chuyện không đâu,  
 Là đủ thay ngay bao vực thẳm  
 Hiện ra bên nhau!  
 Cứ tưởng lứa đôi cùng chơi voi  
 Giặc mơ tình-ái,  
 Nhưng khi vừa khang-khit nhau rồi,  
 Mộng-hồn tê-tái,  
 Mới hay ta có thấu lòng nhau,  
 Chỉ được đôi phán...  
 Vì em lại là khách mày râu,  
 Chắc gì đã thân!

### ABAT-JOUR

Tu demandes pourquoi je reste sans rien dire ?  
 C'est que voici le grand moment,  
 l'heure des yeux et du sourire,  
 le soir, et que ce soir je t'aime infiniment !

Serre-moi contre toi. J'ai besoin de caresses.  
 Si tu savais tout ce qui monte en moi, ce soir,  
 d'ambition, d'orgueil, de désir, de tendresse,  
 et de bonté !... Mais non, tu ne peux pas savoir !...

Baisse un peu l'abat-jour, veux-tu ? Nous serons mieux.  
 C'est dans l'ombre que les cœurs causent,  
 et l'on voit beaucoup mieux les yeux  
 quand on voit un peu moins les choses.

Ce soir je t'aime trop pour te parler d'amour.  
 Serre-moi contre ta poitrine !  
 Je voudrais que ce soit mon tour  
 d'être celui que l'on câline...  
 Baisse encore un peu l'abat-jour.

### CÁI CHỤP ĐÈN

*Em hỏi sao anh không nói gì?  
Nay là đèn lúc tối mê li:  
Mắt ngòi, môi thắm, chiều đang xuồng,  
Chiều xuồng, yêu em vô tận kỳ...*

*Xích lại đây, anh cần âu-yếm  
Chiều nay dâng lên trong tâm-khảm  
Nào tham-vọng, kiêu kỳ  
Nào thèm-khát, nhân từ, trìu-mến...  
Nhưng em đâu biết nỗi-niềm...*

*Hạ chụp đèn thấp xuồng, em nhô!  
Thẽ này ấm-cúng hơn.  
Trong bóng tối, chuyện lòng càng dẽ nở  
Tỏ mặt nhau hơn là cảnh-vật quanh bên...*

*Giờ yêu em, không nói chuyện tình.  
Ôm ghì vào ngực kia nào!  
Anh muốn bấy giờ đèn lướt anh,  
Được chiều-chuộng nâng-niu.*

Là. Ne parlons plus. Soyons sages.  
 Et ne bougeons pas. C'est si bon  
 tes mains tièdes sur mon visage !...  
 Mais qu'est-ce encor ? Que nous veut-on ?

Ah ! c'est le café qu'on apporte !  
 Eh bien, posez ça là, voyons !  
 Faites vite !... Et fermez la porte !  
 Qu'est-ce que je te disais donc ?

Nous prenons ce café... maintenant ? Tu préfères ?  
 C'est vrai : toi, tu l'aimes très chaud.  
 Veux-tu que je te serve ? Attends ! Laisse-moi faire.  
 Il est fort, aujourd'hui ! Du sucre ? Un seul morceau ?

C'est assez ? Veux-tu que je goûte ?  
 Là ! Voici votre tasse, amour...  
 Mais qu'il fait sombre ! On n'y voit goutte..  
 Lève donc un peu l'abat-jour.

Hã chụp đèn thấp tí nūa đi!  
 Thẽ. Rồi đừng nói gì. Ngoan-ngoān,  
 Đừng động-dậy. Thú-vị diệu-kỳ  
 Bàn tay ấm vuốt trên vầng trán...

Lại gì nūa đây? Ai đó?  
 À, cà-phê. Đề đó được rồi.  
 Lẹ lén, rồi đóng cửa lại nhớ!

Anh đang nói gì hồi nây?  
 Mình uống ngay, đúng ý em chẳng?  
 Đúng, em vẫn ưa uống nóng dây.  
 Đề anh rót đưa em! Đề anh.  
 Ô, đặc quá. Đường, một viên hay mấy?

Được chua? Anh nếm xem đã nhé!  
 Đây, li em dây, hồi cô mình!  
 Tôi quá nhỉ, chẳng thấy gì cả,  
 Xéch chụp đèn lên một chút, ái-khanh!



## **FRANCIS CARCO**

1886-1958

Francis Carco là bút-hiệu của Francis Carcopino sinh tại Nouméa (Nouvelle-Calédonie) viết nhiều tiểu-thuyết tả trạng thái giới người phóng đãng (bohème) ; vè thơ, sáng tác

La bohème de mon cœur (1912)

Mortefontaine (1946)

Poèmes en prose (1948)

Như sương mù tỏa trong tâm hồn, thơ Francis Carco đượm vè u buồn tê-nhị, như bài Poème Flou dịch sau đây.

## ADIEU

Si l'humble cabaret, noirci  
 Par la pluie et le vent d'automne,  
 M'accueille, tu n'es plus ici...  
 Je souffre et l'amour m'abandonne.

Je souffre affreusement. Le jour  
 Où tu partis, j'appris à rire.  
 J'ai depuis pleuré, sans amour,  
 Et vécu tristement ma vie.

Au moins, garde le souvenir,  
 Garde mon cœur, berce ma peine !  
 Chéris cette tendresse ancienne  
 Qui voulut, blessée, en finir.

Je tirai contre une autre épaule,  
 D'autres baisers me suffiront.  
 Je les marquerai de mes dents.  
 Mais tu resteras la plus belle...

## BIỆT NHAU

*Gió thu, mưa xối-xả,  
Quán nhỏ vách đèn sì.  
Anh vào, em đâu hả?  
Đau xót, tình bỗn đi...*

*Đau xót thật tàn-khóc  
Em đi, anh tập cười.  
Từ đây anh lại khóc,  
Không tình, đòi buồn ơi!*

*Ít ra em cũng giữ  
Tim này, ru nỗi khóc  
Nâng-niu chút tình xưa  
Tưởng phụ nên từ bỏ.*

*Anh cười bên vai khác  
Mỗi khác, tạm làm vui,  
Anh cắn răng làm đau.  
Nhưng em... vẫn tuyệt vời!*

## POÈME FLOU

Où va la pluie, le vent la mène  
En tintant sur le toit  
Et je me serrais contre toi,  
Pour te cacher ma peine.

Le jardin noir aux arbres nus,  
Ta petite lampe en veilleuse,  
Tes soupirs heureux d'amoureuse  
Que sont-ils devenus ?

J'écoute encor tomber la pluie :  
Elle n'a plus le même bruit...

## LỜI MỜ NHÂN ẢNH

*Mưa về đâu, mưa theo gió*

*Kêu tí-tách trên mái thêm.*

*Xưa anh sát lại bên em*

*Để giàu nỗi-niềm đau khổ.*

*Vườn tôi, bóng cây khẳng khiu,*

*Đèn con ánh sáng hắt hiu.*

*Em thở dài khi thỏa nguyện,*

*Bao nhiêu đó nay tìm đâu ?*

*Nay anh còn nghe mưa rơi,*

*Tiếng mưa đã khác xưa rồi...*



## BLAISE CENDRARS

1887-1961

Sinh tại Thụy-Sĩ, mất tại Paris. Đã từng du-lịch rất nhiều, viết nhiều tiểu-thuyết và thi-văn ghi các ký-ức du-lịch.

Sự-nghiệp và đời sống của ông có thể tóm tắt trong câu văn ông đã viết: Tout est couleur, mouvement, explosion, lumière (tất cả là màu sắc, chuyển động, bùng nổ, ánh sáng). Toàn tập thơ của Blaise Cendrars xuất-bản năm 1954. Bài thơ ngắn dịch sau đây tả tâm-trạng của ông.

Nous ne voulons plus être tristes  
C'est trop facile  
C'est trop bête  
C'est trop commode  
On en a trop souvent l'occasion  
Tout le monde est triste  
Nous ne voulons plus être tristes.

Ta không ưng buồn nữa

Vì buồn dễ quá

ngu quá

tiện quá

Ai chẳng có dịp buồn luôn

Chẳng ai không buồn

Ta không ưa buồn nữa.



(Cocteau *tự-hoá*)

## **JEAN COCTEAU**

1889-1963

Thi-sĩ Jean Cocteau viết văn đủ loại: thơ, tiểu-thuyết, kịch, bình-luận, lại còn trình bày nhiều họa-phẩm, và là tác-giả phim chiêu bóng Le Sang du poète, đều được giới trí-thức rất hoan-nghênh. Thi-sĩ Guillaume Apollinaire cho rằng Jean Cocteau là cả thế-giới tóm thâu trong một người (le Monde dans un Homme). Giới văn-sĩ thường nhắc đến một trong những tác-phẩm chính của Cocteau: la difficulté d'être. Hai bài thơ dịch sau đây cho ta thấy khía cạnh tâm-hồn ly kỳ của Cocteau, một người phù-thủy của trí-tuệ đời nay (magicien de l'esprit moderne) theo lời bình-phẩm của thi-sĩ Pierre Seghers.

### LA JEUNE FEMME

Que voulez-vous que j'y fasse

Comment cela se fait-il

La jeune femme est de face

Alors qu'elle est de profil

Comment cela se fait-il

Elle n'a qu'un œil de face

Elle en a deux de profil

Que voulez-vous que j'y fasse

Que voulez-vous que j'y fasse

Comment cela se fait-il

Sa figure est une glace

Qui reflète son profil

*Clair-obscur*, 1954

## THIỀU PHỤ

*Thê đây, chút còn sao nữa!*

*Đừng hỏi vì sao lại rủa*

*Thiếu-phụ đương đứng nhìn ngang*

*Mà lại thấy bẽ mặt nàng*

*Đừng hỏi vì sao lại rủa*

*Một mắt ở bẽ mặt nàng*

*Lại hai mắt ở chiều ngang*

*Thê đây, chút còn sao nữa.*

*Thê đây, chút còn sao nữa,*

*Đừng hỏi vì sao lại rủa,*

*Bẽ mặt nàng như tấm gương*

*Phản chiếu hình nàng trông ngang.*

## JE PENSE

Je pense que je pense, et d'y penser je suis  
 Et ne suis parce que je pense  
 Et ce triste savoir embrouille ma science  
 Ajoute une nuit à mes nuits.

Que ne suis-je sans être et sans une mémoire  
 Mêlant le demain et l'hier  
Et qui déroule en moi cette mouvante moire  
 Dangereuse comme la mer.

Mieux me va le sommeil et son vague mélange  
 Où je ne me charge de rien  
 Et son théâtre obscur où la pièce me change  
 En un moi qui n'est plus le mien.

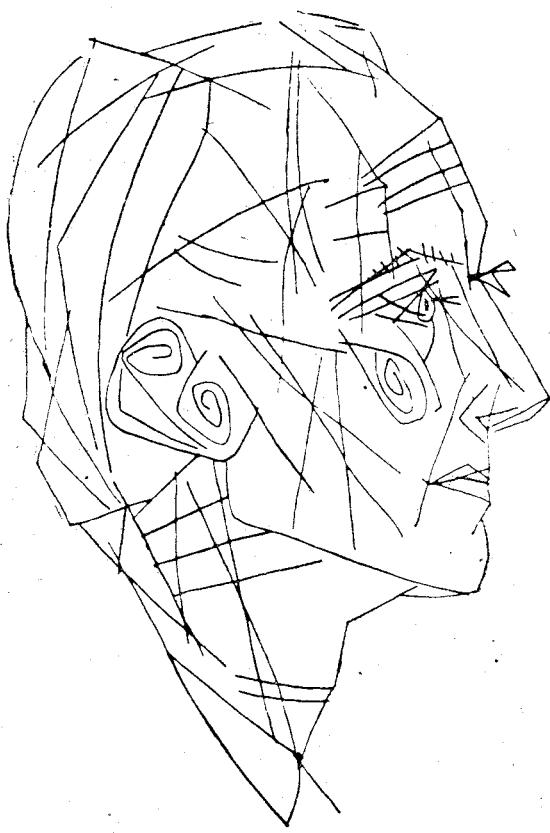
(*Clair-obscur*, 1954)

## TÔI NGHĨ

*Tôi nghĩ rằng tôi nghĩ  
Đã nghĩ là có tôi  
Có tôi vì có nghĩ  
Biết thêm chỉ buồn thoi  
Rồi loạn tâm hiếu biết  
Chỉ làm tôi tăm thêm  
Đêm dài thêm một đêm.*

*Sao bằng không bẩn-ngâ  
Không cả đèn trí nhớ  
Lẫn lộn mai và qua  
Như trong mình mở ra  
Lung linh màn thủy ba  
Hiểm-nguy như biển cả.*

*Thà say trong giấc ngủ  
Tơ-mơ và hồn-mang  
Không đổi chút vân vương  
Như sân khấu âm-u  
Vở kịch thay vai trò  
Mình không phải mình nữa.*



pour Paul Eluard  
Picasso

(Picasso họa)

## **PAUL ELUARD**

1895-1952

Thi-sĩ phái Siêu-thực tả những trạng-thái mờ-tổ của tâm-hồn, chủ-trương tôn-trọng nhân-bản, giải-hòa con người với mộng-ước, rồi với hoạt-động. Các tác-phẩm thường được nhắc-đến :

Capitale de la Douleur (thủ-đô của đau-thương),

Les yeux fertiles (những mắt phong-phú).

**BONNE JUSTICE**

C'est la chaude loi des hommes  
 Du raisin ils font du vin  
 Du charbon ils font du feu  
 Des baisers ils font des hommes.

C'est la dure loi des hommes  
 Se garder intact malgré  
 Les guerres et la misère  
 Malgré les dangers de mort.

C'est la douce loi des hommes  
 De changer l'eau en lumière  
 Le rêve en réalité  
 Et les ennemis en frères.

Une loi vieille et nouvelle  
 Qui va se perfectionnant  
 Du fond du cœur de l'enfant  
 Jusqu'à la raison suprême.

*(Pouvoir tout dire, 1951)*

## CÔNG BẮNG ĐÚNG MỨC

*Vân là luật nóng hổi  
 Chung cho cả loài người  
 Lấy nho làm rượu uống  
 Lấy than làm lửa soi  
 Yêu đương tạo nên người.*

*Vân là luật khắc nghiệt  
 Chung cho cả loài người  
 Giữ mình cho toàn vẹn  
 Trong chiến tranh cơ hàn  
 Trong hiểm nghèo mất mạng.*

*Vân là luật dịu hiền  
 Chung cho cả loài người  
 Biển nước thành ánh sáng  
 Mơ-mộng thành sự thực  
 Địch thù thành anh em.*

*Luật kia cũ mà mới  
 Cứ thế cải tiến thêm  
 Từ hoài bão trẻ nít  
 Đến đạo lý thánh hiền.*



Đau khổ (Van Gogh)

## **JEAN CASSOU**

1897

Bài thơ « Hậu-quả » dịch sau đây nhắc ta rằng  
mỗi lời nói hay mỗi cử-chỉ của ta có thể vang  
rất xa và gây tai-họa cho người khác.

## SUITE

Le geste que tu viens de faire  
Perce à l'autre bout de la terre  
Le plus abandonné des cœurs.

La lettre que tu viens d'écrire  
A qui ? fera chez qui ? Jaillir  
Le plus désespéré des pleurs.

Le mot que ta bouche a perdu  
Va dans une nuit inconnue  
Lever un trouble cauchemar.

Du coup d'une vaine pensée  
Qui t'a par hasard traversé  
Une âme est morte quelque part.

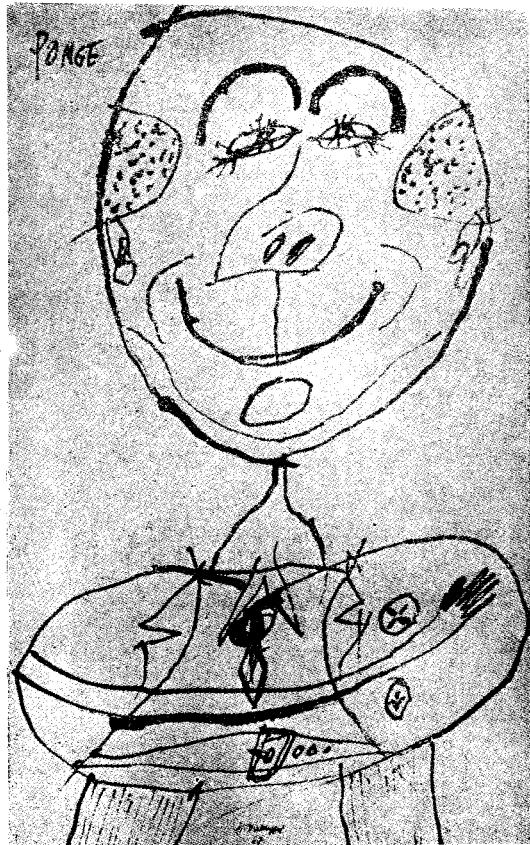
## HẬU QUÀ

*Cứ-chỉ anh vừa rồi  
 Ai ngờ nơi xa-vời  
 Làm tồn-thương ác liệt  
 Một tâm hồn chơi-voi...*

*Bức thư viết rời tay  
 Gửi ai? Gây cho ai  
 Tuôn rơi dòng lệ thảm  
 Tuyệt-vọng nhất trong đồi.*

*Lời nói anh vừa buông  
 Một đêm xa âm vang  
 Sẽ gieo cơn ác-mộng  
 Bao thác-loạn kinh-hoàng.*

*Một ý-nghĩ vẫn-vơ  
 Thoáng qua lúc tình-cờ,  
 Biết đâu nơi nào đó,  
 Chẳng giết một tâm-cơ!*



(Dubuffet họa)

## FRANCIS PONGE

1899-....

Sinh năm 1899, tác-giả các tập thơ : Le Parti pris des choses (1942), Le Grand Recueil (1954). Bài thơ Que diêm, dịch sau đây, có những điểm nhận xét tê-nhị : que diêm ví như sinh-vật có cánh để bay, có cảm-tình, như một cá nhân có tiểu-sử ; lại ví như cánh buồm thuyền đua, hoạt-động mau chóng như trong những cuộc thi đua hiện-đại, rút cuộc chỉ còn là một vật đen thui. Nét trào-lộng trong bài thơ ở chỗ đôi chiêu một hành-động rất thường như đánh diêm, với những hoạt-động quan-trọng, có ý đẽ ta nhận xét rằng mọi sự định-giá, đánh giá của chúng ta không được xác-đáng vì không nhận xét ra tầm quan-trọng của sự vật quanh ta.

## L'ALLUMETTE

Le feu faisait un corps à l'allumette.  
 Un corps vivant, avec ses gestes,  
 Son exaltation, sa courte histoire.  
 Les gaz émanés d'elle flambaient,  
 lui donnaient ailes et robes, un corps même :  
 une forme mouvante  
 émouvante.

Ce fut rapide

La tête seulement a le pouvoir de s'enflammer,  
 au contact d'une réalité dure,  
 — et l'on entend alors comme le pistolet du starter.  
 Mais dès qu'elle a pris,  
 la flamme  
 — en droite ligne, vite et la voile penchée comme  
 un bateau de régate —  
 parcourt tout le petit bout de bois,  
 Qu'à peine a t-elle viré de bord  
 finalement elle laisse  
 aussi noir qu'un curé.

## QUE DIÈM

Ngọn lửa làm vật thề cho que diêm.  
 Cho nó linh-hoạt với cử động riêng,  
 Với riêng niềm phần khởi  
 Cùng tiêu sứ ngắn ngủi.  
 Hơi bốc lên bừng cháy lòa  
 Hình đôi cánh, hình màu áo, hình toàn thân hiện ra :  
 Một hình thái linh động  
 Xúc động.

*Thật nhanh như chớp*

*Riêng chỉ có đâu là bốc cháy khi chạm phải*  
*thực tế tàn khốc*

*— Rồi nghe như súng hiệu của chỉ-huy nô đùng.*  
*Nhưng vừa bén xong,*  
*ngọn lửa,*

*— xẹt thẳng, lẹ làng, như thuyền buồm nghiêng ngửa*  
*— chạy qua suốt tâm thân que gỗ*

*Vừa mới quay chiêu,*  
*Rút lại đã chỉ còn*  
*Đen sì như áo thày tu...*



Bóng ma (*André Masson*)

## JACQUES PRÉVERT

1900

Tác-giả nhiều tập thơ nổi tiếng trong giới  
văn-sĩ :

- Histoires,
- Paroles,
- Spectacles.

Bài thơ dịch sau đây dùng chữ nhắc đi nhắc  
lại gợi cho ta cảm-tưởng bi-đát về thói ích-kỷ  
ngay trong gia-đình đên nỗi quên cả tai-họa  
của chiến-tranh.

### FAMILIALE

La mère fait du tricot

Le fils fait la guerre

Elle trouve ça tout naturel la mère

Et le père qu'est-ce qu'il fait le père ?

Il fait des affaires

Sa femme fait du tricot

Son fils la guerre

Lui des affaires

Il trouve ça tout naturel le père

Et le fils et le fils

Qu'est-ce qu'il trouve le fils ?

Il ne trouve absolument rien le fils

## GIA-ĐÌNH

*Mẹ ngồi đan áo*

*Con đi tòng quân*

*Mẹ, mẹ coi thẽ là sự thường*

*Còn cha cha làm gì nhỉ?*

*Cha đi chạy việc*

*Vợ ngồi đan áo*

*Con đi tòng quân*

*Mình đi chạy việc*

*Cha coi thẽ là sự thường*

*Thẽ còn con, còn con*

*Con coi thẽ là thẽ nào?*

*Chẳng thẽ nào cả, anh con*

Le fils sa mère fait du tricot son père des affaires lui  
[la guerre  
Quand il aura fini la guerre  
Il fera des affaires avec son père  
La guerre continue la mère continue elle tricote  
Le père continue il fait des affaires  
Le fils est tué il ne continue plus  
Le père et la mère vont au cimetière  
Ils trouvent ça tout naturel le père et la mère  
La vie continue la vie avec le tricot la guerre les affaires  
Les affaires la guerre le tricot la guerre  
Les affaires les affaires et les affaires  
La vie avec le cimetière.

*Paroles, 1947*

*Con coi mẹ đan áo, cha chạy việc, mình tòng quân  
Khi nào hết đánh nhau  
Nó sẽ chạy việc với cha  
Chiến tranh tiếp tục, mẹ tiếp tục đan áo  
Cha tiếp tục chạy việc  
Con chết rồi không tiếp tục nữa  
Cha mẹ đi ra nghĩa trang  
Cha mẹ coi thê là sự thường  
Đời sống tiếp tục đan áo đánh nhau chạy việc  
Chạy việc đánh nhau đan áo đánh nhau  
Chạy việc, chạy việc và chạy việc  
Đời sống kê nghĩa trang.*



Ánh nắng (Braque)

## **JEAN TARDIEU**

Sinh năm 1903. Bài thơ *Anh chàng lạc quan* ngũ ý ai ai cũng không thầy cái già tiền đèn bǎn thân mình, nhưng ai ai cũng thầy thời-gian qua rất mau ở cuộc đời người khác. Nếu biệt lập ra mà ngắm thời-gian qua mau cho thiên hạ, mà lại lùi ngược cho mình, thì cũng thú vị.

### LE PETIT OPTIMISTE

Dès le matin j'ai regardé  
J'ai regardé par la fenêtre :  
J'ai vu passer des enfants.

Une heure après c'étaient des gens.  
Une heure après, des vieillards tremblants.

Comme ils vieillissent vite, pensai-je !  
Et moi qui rajeunis à chaque instant !

## ANH CHÀNG LẠC-QUAN

*Ngay từ sớm tối đã nhìn*

*Nhìn ra cửa sổ :*

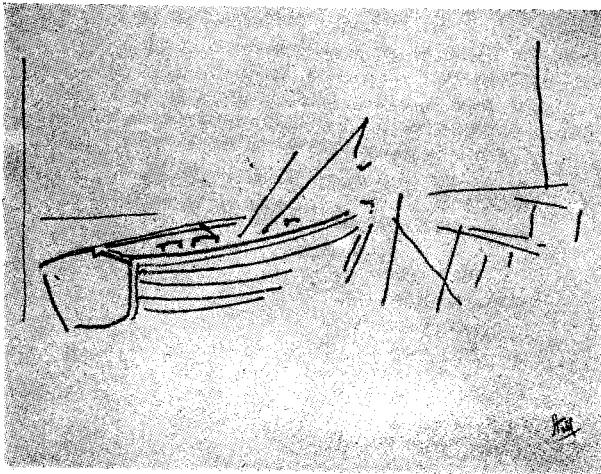
*Thấy trẻ nhỏ đi qua.*

*Một giờ sau, thì là người ta.*

*Giờ sau nữa, nhưng ông già run-rẩy.*

*Tôi nghĩ : sao họ chóng già thế nhỉ !*

*Mà mình mỗi lúc trẻ thêm ra !*



Thuyền (*Nicolas de Staël*)

## **PIERRE-RENÉ FAVRE**

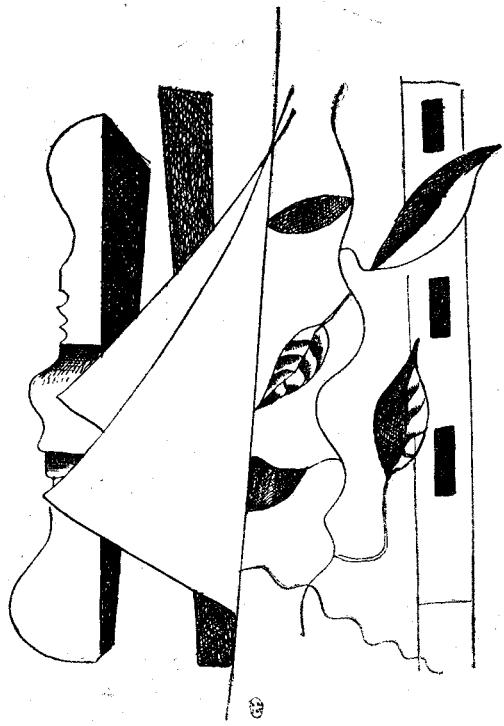
Sinh năm 1901 tại Tours, mất năm 1949 tại Saigon. Cử-nhân văn-chương. Tâm-hồn lãng-mạn, và những thú chơi cao-nhã. Bài sau đây tả cái ảo-tưởng không bao giờ thực-hiện được của một người đã bỏ lỡ dịp gặp cái đẹp, để nó biến đi mất.

### DE CE PONT

De ce pont où tu te penchas,  
J'ai jeté ce soir mes filets  
Pour reprendre à l'eau ton image

## TRÊN CẦU

*Hôm nao, đứng trên cầu  
Nhìn sông em cúi đầu  
Chiều nay anh thả lưới  
Vớt lại bóng yêu-kiều*



Vật thể trong không gian (Leger)

## GUILLEVIC

Sinh năm 1907. Bài thơ *Cái cưa* làm ta cảm thấy sự bất công của nhân-thê: Kẻ hành người thì lại ta-thán, mà kẻ bị hành đành chịu im.

Đọc bài thơ *Những bức tường*, ta thấy rằng ta muôn cảm-thông với cả vật vô-trí chung quanh ta, nhưng mặc dầu có gắng thế nào, vẫn bị một mảnh-lực huyền-bí cản trở. Bài thơ *Cây* cũng theo thi-hướng ấy.

### LES MURS

Voir le dedans des murs

Ne nous est pas donné.

On a beau les casser

Leur façade est montrée.

Bien sûr que c'est pareil

En nous et dedans les murs.

Mais voir

Apaiserait.



### LA SCIE

La scie va dans le bois,

Le bois est séparé

Et c'est la scie

Qui a crié.

## NHỮNG BỨC TƯỜNG

*Muốn thấy bên trong tường  
Thôi dành chịu vô phuong*

*Dù cho ghè đập hoài  
Vẫn chỉ thấy bên ngoài.*

*Trong tường và trong lòng  
Chẳng qua cũng tương đồng*

*Giá thấy được tất cả  
Có lẽ mới yên dạ.*



## CÁI CỦA

*Nghiến lòng gỗ gia-giết  
Gỗ bửa rời ra*

*Thế mà lười cưa*

*Lại rit lên sèn-set.*

### L'ARBRE

L'arbre,  
On a beau le regarder,  
On a beau vouloir :  
On n'est pas pareil.  
C'est plutôt dommage.

## CÂY

*Cây cồ-thụ*

*Ta hoài công ngầm*

*Hoài công mong-muốn*

*Chẳng giống được cây*

*Kẽ cũng tiếc thay!*



Thiều-phụ (*Picasso họa*)

## LISE DEHARME

Không ghi năm sinh.

Có lúc cảm-hứng thấy thoáng qua một ý niệm để sáng-tác một bài thơ, một quyển sách, ta muôn ghi lại giữ lại như bắt lây một con chim, bỏ vào lồng, để có cơ khai-thác. Rủi thay, chỉ vì lỗi người khác, mà không thực hiện được, thành thử ta như cái lồng chim bị bỏ trống.

### LA CAGE VIDE

J'ai raté  
le livre de ma vie  
une nuit  
qu'on avait oublié  
de mettre un crayon taillé  
à côté de mon lit.

*Carnet de curieuse personne, 1933*

## LÔNG BỎ TRÔNG

Tôi đã bỏ lỡ  
áng văn từng mơ-ước cho cả một đời  
từ cái đêm  
người ta quên  
để bút chì gọt sắn  
bên giường tôi...



*Uyên-vuong (Georges Renault)*

## **ANDRÉ VERDET**

Sinh năm 1915 tại Nice (Pháp) chịu ảnh hưởng của Jacques Prévert, sở-trường về sự mô-tả những lo-âu tì-mỉ cũng như những kinh hoàng lớn-lao trong cuộc sống hàng ngày. Sau đây là nỗi lòng mè thương con, thật là tê-nhị và hối-hộp.

## LA NUIT, LA MÈRE ET L'ENFANT

Je te dis que le gosse tousse  
Je te dis que le gosse a toussé

Mais le père ronfle et ne  
Répond pas et la mère s'affole

Je te dis que le gosse tousse toujours  
Je te dis que le gosse a toussé

Mais le père se tourne et ne répond  
Toujours pas et la mère se lève

Pourtant le gosse dort bien  
Tranquillement dans sa petite chambre

Il est calme il a l'air de rêver il a l'air  
Vraiment d'un ange

Le cœur bat toujours sous les draps  
Le front n'a pas de fièvre

Mais il paraît si pâle dans l'ombre et dehors  
C'est la nuit

La grande nuit, silencieuse et parfois elle  
Fait arrêter doucement le cœur des enfants

## ĐÊM, MẸ VÀ CON

- *Kia con nó ho*
- *Con, nó vừa ho đây*

*Bố không đáp, cứ ngáy  
Mẹ áy-náy bàng-hoảng*

- *Đây, con vẫn ho*
- *Con, nó vừa ho đây*

*Bố vẫn im, xoay mình lại  
Mẹ trở dậy đứng lên*

*Đứa nhỏ vẫn ngủ yên  
Thảnh-thơi trong phòng nhỏ*

*Bình-tĩnh như mơ-mộng  
Hôn-nhiên tựa thiên-thanh*

*Dưới mền, tim vẫn đập  
Trán không chút hâm-hấp*

*Trong bóng đêm, da xanh lét  
Mà bên ngoài, trời mù đen*

*Đêm khuya, lặng-lẽ, thỉnh-thoảng  
Như nhẹ ngừng tim trẻ nhỏ*

Des enfants qui rêvent d'elle au grand  
Jour sur le banc de l'école

Oui elle est douce et terrible cette nuit  
La mère le sait et le père a peur

Et parfois la mère veille longtemps pendant  
Que le père ronfle ou fait semblant

Alors la mère se lève et va  
Vers l'enfant sans faire de bruit

Vers l'enfant qu'elle a cru entendre tousser et qui  
Dort bien tranquillement dans sa petite chambre

Le cœur bat toujours sous les draps  
Le front n'a pas de fièvre

Demain ce sera le grand jour le  
Règne du soleil et des hommes

Mais maintenant c'est la nuit  
La grande nuit silencieuse

Et la mère sait et la mère veille encore  
Un peu derrière les vitres

*Trẻ nhỏ ban ngày vắng-vắng, ngồi  
Ở trường, hay mơ-mơng đến đêm.*

*Ôi, đêm sao êm-đêm và ghê-sợ  
Mẹ biết vậy, bõ cũng đâm rợn*

*Mẹ có khi thức lâu trông con  
Bõ vẫn ngáy hay là vờ ngáy*

*Mẹ trở dậy khẽ  
Khẽ đi đến phía*

*Phía con mà mẹ thường có tiếng ho  
Nhưng con vẫn ngủ yên trong phòng nhỏ*

*Dưới mền tim vẫn đậm  
Trán không chút hâm-hấp*

*Mai đây trời sáng rồi  
Ngoài nắng lại đông người*

*Nhưng bây giờ là đêm  
Đêm bao trùm lặng im*

*Mẹ biết vậy nhưng còn thao thức  
Một lúc sau ô kính thẩn-thờ...*



# Mục-Lục



	Trang
<b>Lời phát đoán .....</b>	<b>5</b>
<b>Charles d'Orléans .....</b>	<b>11</b>
Rondeau (Đoản ca luân vận) .....	12
<b>Olivier de Magny .....</b>	<b>15</b>
Sonnet (Thơ luật) .....	16
<b>Ronsard .....</b>	<b>19</b>
A Cassandre (Gửi Cassandre) .....	20
A Hélène (Gửi Hélène) .....	22
A Marie (Khóc Marie) .....	24
<b>Malherbe .....</b>	<b>27</b>
Consolation à Du Perier (An-ủi Bạn Du Perier) ..	28
<b>Racan .....</b>	<b>33</b>
Douceurs de la vie champêtre (Vui thú diễn viên) ..	34
<b>Marceline Desbordes-Valmore .....</b>	<b>41</b>
Les roses de Saadi (Hoa hồng của Saadi) .....	42
<b>André Chénier .....</b>	<b>45</b>
La jeune captive (Thiếu-nữ trong khám-đường) ..	46
<b>Alphonse de Lamartine .....</b>	<b>53</b>
Terre natale (Cô-hương) .....	54
Le premier regret (Nỗi mùi tiếc thương) .....	56
<b>Alfred de Vigny .....</b>	<b>73</b>
La mort du loup (Cái chết của con chó sói) .....	74
<b>Victor Hugo .....</b>	<b>79</b>
Le semeur (Người gieo mạ) .....	80

	Trang
A une mariée (Gửi cô dâu mới) .....	82
Après la bataille (Sau cuộc chiến đấu) .....	84
Lorsque l'enfant paraît (Khi trẻ thơ ló mặt) .....	86
<b>Félix Arvers</b> .....	<b>93</b>
Sonnet (Thơ luật: tình tuyệt vọng) .....	94
<b>Alfred de Musset</b> .....	<b>97</b>
Tristesse (Sầu muộn) .....	98
Le pélican (Chim đrowsing-nga) .....	100
<b>Leconte de Lisle (Charles Marie)</b> .....	<b>107</b>
Le soir d'une bataille (Chiến địa chiêu hوم) .....	108
<b>Charles Baudelaire</b> .....	<b>113</b>
L'horloge (Đồng hồ) .....	114
Le mort joyeux (Chết tươi) .....	118
L'ennemi (Kẻ thù) .....	120
<b>Sully-Prud'homme</b> .....	<b>123</b>
Le vase brisé (Bình vỡ) .....	124
<b>Stephane Mallarmé</b> .....	<b>127</b>
Brise marine (Gió khơi) .....	128
<b>Verlaine</b> .....	<b>131</b>
Ariettes oubliées (Đoản ca bỏ sót) .....	132
L'espoir (Hi vọng) .....	134
Green (Xanh) .....	136
<b>Théophile Gautier</b> .....	<b>139</b>
Fumée (Khói) .....	140
<b>François Coppée</b> .....	<b>143</b>
Les larmes (Giọt lệ) .....	144

Trang

<b>Paul Déroulède</b> .....	149
Le bon gîte (Nơi nghỉ đêm êm ảm) .....	150
<b>Jean Moréas</b> .....	155
Stances (Đoản thi) .....	156
<b>Albert Samain</b> .....	161
Le berceau (Cái nôi) .....	162
<b>Maeterlinck</b> .....	167
Poésie (Tại ai...) .....	168
<b>Henri de Régnier</b> .....	171
La colline (Ngọn đồi) .....	172
<b>Paul Jean Toulet</b> .....	177
Contrerime (Đàn ngang cung) .....	178
<b>Edmond Rostand</b> .....	181
Cyrano (Tâm-sự Cyrano) .....	182
<b>Paul Valéry</b> .....	191
Les pas (Bước chân) .....	192
<b>André Maurois</b> .....	195
Si (Ví...) .....	196
<b>Princesse de Bouffémont</b> .....	201
Lorsque finira le voyage (Bao giờ dừng gót giang hồ) .....	202
<b>Paul Gerald</b> .....	207
Méditation (Suy tư) .....	208
Abat-jour (Cái chụp đèn) .....	210
<b>Francis Carco</b> .....	215
Adieu (Biệt nhau) .....	216
Poème flou (Lờ mờ nhân ảnh) .....	218

Trang

Blaise Cendrars .....	221
Nous ne voulons plus être tristes (Ta không ưng buồn nữa) .....	222
Jean Cocteau .....	225
La jeune femme (Thiếu-phụ) .....	226
Je pense (Tôi nghĩ) .....	228
Paul Eluard .....	231
Bonne justice (Công bằng đúng mức) .....	232
Jean Cassou .....	235
Suite (Hậu quả) .....	236
Francis Ponge .....	239
L'allumette (Que diêm) .....	240
Jacques Prévert .....	243
Familiale (Gia đình) .....	244
Jean Tardieu .....	249
Le petit optimiste (Anh chàng lạc quan) .....	250
Pierre René Favre .....	253
De ce pont (Trên cầu) .....	254
Guillevic .....	257
Les murs (Những bức tường) .....	258
La scie (Cái cura) .....	258
L'arbre (Cây) .....	260
Lise Deharme .....	263
La cage vide (Lồng bỏ trống) .....	264
André Verdet .....	267
La nuit, la mère et l'enfant (Đêm, mẹ và con) .....	268

**THƠ PHÁP-NGỮ TUYỀN-DỊCH,**  
**do CƠ-SỞ PHẠM-QUANG-KHAI**  
xuất bản, in lần thứ nhất,  
gồm 3000 cuốn giấy thường,  
100 cuốn giấy trắng và  
50 cuốn giấy nhũ không bẩn.

In xong ngày 10 tháng 8 năm 1968,  
tại KIM LAI ÁN-QUÁN, Saigon.

Giấy phép của sở Phối-Hợp Nghệ-Thuật  
Bộ Thông-Tin số 785 BT/NT/NHK/QN  
ngày 30-4-1968





**Giá 180\$00**